

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH LUẬT, TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
(định hướng nghiên cứu)



BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Trình độ đào tạo	: Thạc sĩ
Ngành đào tạo	: Luật
Định hướng 2412	: Nghiên cứu
Tên tiếng Anh	: Master of Laws (LL.M.)
Mã ngành	: 8301101
Loại hình đào tạo	: Chính quy
Hình thức đào tạo	: Tập trung

Thành phố Hồ Chí Minh - 2025

MỤC LỤC

1. THÔNG TIN CHUNG.....	5
1.1. Giới thiệu	5
1.2. Thông tin chung	5
2. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO	6
2.1. Tầm nhìn - Sứ mạng - Triết lý giáo dục của Trường	6
2.1.1. Tầm nhìn	6
2.1.2. Sứ mạng.....	6
2.1.3. Triết lý giáo dục	6
2.2. Mục tiêu chương trình đào tạo	7
2.2.1 Mục tiêu tổng quát	7
2.2.2. Mục tiêu cụ thể.....	7
3. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH LUẬT	8
4. VỊ TRÍ VIỆC LÀM.....	9
5. THÔNG TIN TUYỂN SINH, QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP ...	10
5.1. Thông tin tuyển sinh	10
(b) Phương thức tuyển sinh	14
(c) Quy trình tuyển sinh	14
5.2 Quy trình đào tạo.....	15
Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp.....	16
6. ĐỘI NGŨ VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ GIẢNG DẠY	17
6.1 Đội ngũ giảng viên	17
a) Đội ngũ nhân sự của Trường	17
b) Đội ngũ nhân sự, tổ chức bộ máy và nhân sự lãnh đạo của Khoa Luật Thương mại.....	17
c) Đội ngũ giảng viên chủ trì mở ngành đào tạo, chủ trì giảng dạy chương trình đào tạo và hướng dẫn luận văn.....	18
6.2 Cơ sở vật chất.....	21
6.2.1. Điều kiện cơ sở vật chất hiện hữu đảm bảo mở ngành đào tạo.....	21
(i) Về cơ sở vật chất, giảng đường, phòng học, phòng làm việc:	21
(ii) Trang thiết bị phục vụ đào tạo:	22
(iii) Trang thông tin điện tử:	23
(iv) Thư viện, giáo trình, sách:.....	23

6.2.2. Kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất	24
7. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP	25
7.1 . Chuẩn bị của giảng viên.....	25
7.2. Các phương pháp giảng dạy - học tập	25
7.3. Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học	27
8. PHƯƠNG PHÁP VÀ HÌNH THỨC ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN; ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP.....	28
8.1. Phương pháp đánh giá học phần	28
8.2. Hình thức đánh giá học phần, thang điểm đánh giá và xếp loại học phần	29
8.2.1. Hình thức đánh giá học phần	29
8.3. Đánh giá kết quả học tập	30
9. CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH.....	30
9.1 Khái quát chương trình.....	30
9.2. Khối lượng học tập theo từng khối kiến thức:	31
Bảng 09-1: Khối lượng học tập theo từng khối kiến thức.....	31
9.3 Chương trình chi tiết	31
9.5. Tóm tắt nội dung các học phần	35
10. SO SÁNH CHƯƠNG TRÌNH.....	45
10. 1 Cơ sở đối sánh chương trình đào tạo.....	45
10.2 Về ưu điểm và tính tương thích của chương trình	46
11. PHÊ DUYỆT CHƯƠNG TRÌNH.....	47

BẢNG KÝ HIỆU VIẾT TẮT

CTĐT	Chương trình đào tạo
CTĐT	Chương trình đào tạo
CĐR	Chuẩn đầu ra
GD & ĐT	Giáo dục và Đào tạo
PO	Program Objectives (Mục tiêu chương trình)
PLO	Program Learning Outcomes (Chuẩn đầu ra chương trình)
CLO	Course Learning Outcomes (Chuẩn đầu ra học phần)
LVTN	Luận văn tốt nghiệp
NCKH	Nghiên cứu khoa học
GS, PGS	Giáo sư, Phó giáo sư
CSGD	Cơ sở giáo dục
TS	Tiến sĩ
ThS	Thạc sĩ
ĐH	Đại học
GV	Giảng viên
TP. HCM	Thành phố Hồ Chí Minh

1. THÔNG TIN CHUNG

1.1. Giới thiệu

Chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành Luật (mã ngành 8380101), định hướng nghiên cứu được thiết kế với tổng cộng 60 TC, cung cấp hệ thống kiến thức pháp lý cốt lõi, nâng cao và mang tính thời sự. Nội dung chương trình bao quát toàn bộ những vấn đề trọng tâm, hiện đại trong hệ thống pháp luật Việt Nam, cung cấp nền tảng vững chắc cho việc nghiên cứu và thực hành chuyên sâu, cụ thể:

Chương trình chú trọng trang bị cho người học phương pháp nghiên cứu luật học và đặc biệt là tư duy pháp lý liên ngành. Đây là điểm nhấn quan trọng nhằm đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực trong bối cảnh phát triển mới. Cụ thể, chương trình thúc đẩy cách tiếp cận liên ngành (Luật Hành chính - Hiến pháp, Luật Hình sự - Tố tụng hình sự, Luật Dân sự - Tố tụng dân sự, Luật kinh tế, Luật Quốc tế...), đa ngành, tích hợp các lĩnh vực như: kinh tế và luật; luật và trí tuệ nhân tạo; luật và thể chế. Sự tích hợp này không chỉ phục vụ nhu cầu về nhân lực trong nền kinh tế số, chính phủ số, mà còn giải quyết các vấn đề cấp thiết như an toàn an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân.

Việc đào tạo phương pháp luận và tư duy liên ngành giúp người học phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu, thường xuyên cập nhật các lý thuyết luật học mới và tiên tiến. Đồng thời, người học còn được trang bị năng lực dự báo và cập nhật những thay đổi của pháp luật thực định.

Bên cạnh kiến thức lý luận, chương trình được cấu trúc nhằm cung cấp các kỹ năng và phương pháp để học viên chủ động phát hiện và tổ chức giải quyết hiệu quả các tình huống pháp lý phát sinh trong công việc hàng ngày.

Với khối kiến thức pháp luật tổng hợp, đa ngành giúp người học là cán bộ, công chức, viên chức có khả năng thích ứng nhanh với mọi thay đổi trong lĩnh vực công tác. Điều này đặc biệt quan trọng trong bối cảnh tái cơ cấu bộ máy nhà nước, sáp nhập các đơn vị hành chính, hay khi người học được điều động, chuyển, biệt phái hoặc cần chuyển đổi nghề nghiệp.

1.2. Thông tin chung

Đơn vị được giao quản lý	Khoa Luật Thương mại
Tên chương trình	Luật
Trình độ đào tạo	Thạc sĩ
Lĩnh vực đào tạo	Pháp luật
Ngành	Luật
Mã số ngành đào tạo	8380101
Định hướng đào tạo	Nghiên cứu

Tổng số tín chỉ	60
Thời gian đào tạo	02 năm
Ngôn ngữ đào tạo	Tiếng Việt
Tên văn bằng tốt nghiệp	Thạc sĩ luật
Đơn- vị cấp bằng	Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh
Quyết định ban hành	Số 1492/QĐ-ĐHL ngày 19 tháng 12 năm 2025
Chương trình đào tạo đối sánh	
Trong nước	<ul style="list-style-type: none"> [1] CTĐT Thạc sĩ ngành Luật của Trường ĐH Luật Hà Nội; [2] CTĐT Thạc sĩ ngành Luật định hướng ứng dụng của Trường ĐH Đà Lạt; [3] CTĐT Thạc sĩ ngành Luật của Trường ĐH Cần Thơ;
Ngoài nước	<ul style="list-style-type: none"> [1] CTĐT ngành Luật, trình độ thạc sĩ của University of Birmingham (Anh) [2] CTĐT ngành Luật, trình độ thạc sĩ của Irvine School of Law at University of California (Hoa Kỳ) [3] CTĐT ngành Luật, trình độ thạc sĩ của The School of Law at University of Galway (Ireland) [4] CTĐT ngành Luật, trình độ thạc sĩ của Faculty of Law of The University of Hong Kong (HongKong) [5] CTĐT ngành Luật, trình độ thạc sĩ của Monash University (Úc) [6] CTĐT ngành Luật, trình độ thạc sĩ của SciencesPo Law School (Pháp)

2. MỤC TIÊU

Trường ĐH Luật TP. HCM là cơ sở đào tạo và nghiên cứu khoa học đa ngành, hiện đại; góp phần giải quyết những vấn đề quan trọng trong khoa học, nhất là khoa học pháp lý; có quan hệ quốc tế rộng rãi; giữ vai trò nòng cốt, là chỗ dựa đáng tin cậy trong quan hệ với các cơ sở đào tạo khác, đặc biệt là các cơ sở đào tạo Luật ở các tỉnh phía Nam.

2.1. Tâm nhìn - Sứ mạng - Triết lý giáo dục của Trường

2.1.1. Tâm nhìn

Trường ĐH Luật TP. HCM là cơ sở đào tạo và NCKH đa ngành, hiện đại, góp phần giải quyết những vấn đề quan trọng trong khoa học, nhất là khoa học pháp lý; có quan hệ quốc tế rộng rãi; giữ vai trò nòng cốt, là chỗ dựa đáng tin cậy trong quan hệ với các cơ sở đào tạo khác, đặc biệt là các cơ sở đào tạo Luật ở các tỉnh phía Nam.

2.1.2. Sứ mạng

Trường ĐH Luật TP. HCM là trường đại học công lập hàng đầu về đào tạo cán bộ pháp luật trong cả nước, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao trình độ đại học, sau đại học; là trung tâm nghiên cứu khoa học, trọng tâm là khoa học pháp lý, góp phần xây dựng, phát triển đất nước và hội nhập quốc tế.

2.1.3. Triết lý giáo dục

SÁNG TRI THỨC, VỮNG CÔNG MINH.

2.2. Mục tiêu chương trình đào tạo

2.2.1 Mục tiêu tổng quát

Chương trình đào tạo thạc sĩ Luật định hướng nghiên cứu nhằm đào tạo những chuyên gia pháp lý có trình độ cao, có kiến thức khoa học nền tảng, có kiến thức pháp lý chuyên sâu, có khả năng vận dụng sáng tạo kiến thức pháp lý vào thực tiễn nghề nghiệp, giải quyết hiệu quả các vấn đề pháp lý phức tạp, góp phần hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật; có năng lực nghiên cứu khoa học pháp lý độc lập, có khả năng phát hiện và đề xuất giải pháp cho các vấn đề pháp luật mới nảy sinh trong bối cảnh toàn cầu hóa; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, tinh thần trách nhiệm xã hội, tuân thủ thượng tôn pháp luật; có năng lực làm việc và nghiên cứu khoa học pháp lý, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực pháp lý chất lượng cao của xã hội.

2.2.2. Mục tiêu cụ thể (Program Objectives - PO)

- Về kiến thức:

PO1. Trang bị cho người học hệ thống kiến thức nền tảng trong khoa học xã hội và khoa học pháp lý, đặc biệt là các phương pháp nghiên cứu luật học hiện đại (so sánh luật, phân tích chính sách, nghiên cứu định tính, định lượng, phân tích án lệ..), phương pháp lý luận và tư duy pháp lý.

PO2. Người học có kiến thức pháp luật chuyên sâu trong mối quan hệ giữa các ngành luật khác nhau trong hệ thống pháp luật Việt Nam và mối quan hệ với pháp luật quốc tế.

PO3. Người học biết phát hiện các khoảng trống pháp lý, phân tích, đánh giá mâu thuẫn, bất cập của pháp luật và đề xuất giải pháp hoàn thiện.

- **Về kỹ năng:**

PO4. Trang bị cho người học kỹ năng xây dựng giả thuyết, thiết kế, triển khai đề tài nghiên cứu, thu thập và xử lý dữ liệu, viết báo cáo và công bố công trình khoa học.

PO5. Trang bị cho người học kỹ năng thuyết trình, phản biện học thuật, bảo vệ luận điểm khoa học.

PO6. Người học có kỹ năng sử dụng công nghệ số hiện đại trong nghiên cứu và công bố học thuật.

- **Về thái độ và năng lực tự chủ:**

PO7. Người học có ý thức tuân thủ chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội, bảo vệ công lý và ý thức thượng tôn pháp luật, ý thức trung thực trong nghiên cứu, tuân thủ liêm chính học thuật.

PO8. Người học có khả năng làm việc độc lập, dẫn dắt nhóm nghiên cứu, hướng dẫn nghiên cứu viên trẻ.

PO9. Người học định hướng học tập suốt đời, tham gia giảng dạy và nghiên cứu chuyên sâu.

3. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (Program Learning Outcomes – PLO)¹

- **Về kiến thức:**

PLO1. Hiểu và hệ thống hóa kiến thức nền tảng trong khoa học xã hội và khoa học pháp lý, vận dụng thành thạo các phương pháp nghiên cứu luật học hiện đại (so sánh luật, phân tích chính sách, nghiên cứu định tính, định lượng, phân tích án lệ..), thẩm nhuận phương pháp lý luận và tư duy pháp lý.

PLO2. Nắm vững và hệ thống được kiến thức pháp luật chuyên sâu trong mối quan hệ giữa các ngành luật khác nhau trong hệ thống pháp luật Việt Nam và mối quan hệ với pháp luật quốc tế.

PLO3. Vận dụng và đánh giá được các nguyên tắc pháp lý để phát hiện các khoảng trống pháp lý, mâu thuẫn, bất cập của pháp luật và đề xuất giải pháp hoàn thiện.

- **Về kỹ năng:**

PLO4. Thiết kế, triển khai và hoàn thiện đề tài nghiên cứu khoa học độc lập.

¹ **Chú thích:**Thang đo H/M/L: **L (Low):** Mức độ liên kết thấp; PLO được đề cập/giới thiệu. **M (Medium):** Mức độ liên kết trung bình; PLO được phát triển thông qua vận dụng. **H (High):** Mức độ liên kết cao; PLO là trọng tâm được yêu cầu đạt mức thành thạo.

PLO5. Trình bày, phân biện học thuật và bảo vệ luận điểm khoa học.

PLO6. Sử dụng cơ sở dữ liệu pháp luật, phần mềm quản lý trích dẫn, kiểm tra tương đồng, công cụ phân tích dữ liệu, AI trong các hoạt động nghiên cứu và công bố học thuật.

- **Về thái độ và năng lực tự chủ:**

PLO7. Có ý thức tuân thủ chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội, bảo vệ công lý và ý thức thượng tôn pháp luật, ý thức trung thực trong nghiên cứu, tuân thủ liêm chính học thuật.

PLO8. Có khả năng hướng dẫn nghiên cứu viên, có thể tham gia giảng dạy và đóng góp vào sự phát triển của khoa học pháp lý.

PLO9. Có định hướng học tập suốt đời và sẵn sàng nâng cao trình độ.

Bảng: Ma trận tích hợp Mục tiêu chương trình (PO) và Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

Mục tiêu CTĐT	CHUẨN ĐẦU RA CTĐT-PLO								
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9
PO1	H	M		M					
PO2		H	H						
PO3	H		H						
PO4			M	H	M				
PO5				M	H	L			
PO6				M	M	H			
PO7					M		H	M	
PO8								H	H
PO9				M					H

4. VỊ TRÍ VIỆC LÀM

Mục tiêu của CTĐT Thạc sĩ Luật, định hướng nghiên cứu là giúp Học viên sau khi tốt nghiệp có thể nhanh chóng tìm được việc làm phù hợp với chuyên ngành, có thu nhập ổn định và có

ơ hội phát triển trong môi trường làm việc. Sau khi tốt nghiệp, học viên có thể đảm nhận nhiều vị trí công việc khác nhau như sau:

- Giảng viên, nghiên cứu viên làm việc tại các trường đại học, viện nghiên cứu, tham gia giảng dạy và thực hiện các công trình nghiên cứu chuyên sâu về pháp luật.
- Cố vấn pháp lý, chuyên gia pháp chế làm việc trong các doanh nghiệp, tổ chức trong nước và nước ngoài, các tổ chức phi chính phủ, thực hiện hoạt động tư vấn pháp luật và tư vấn giải quyết các vấn đề pháp lý phức tạp.
- Cán bộ pháp chế tại các cơ quan nhà nước ở các cấp khác nhau, tham gia hoạch định chính sách, xây dựng pháp luật.
- Vị trí pháp lý cấp cao: Ứng cử vào các vị trí cao hơn trong ngành tư pháp như thẩm phán, kiểm sát viên, luật sư chuyên sâu trong các lĩnh vực hình sự, kinh tế, dân sự.
- Phụ trách các mảng chuyên môn về pháp lý và nhân sự tại các cơ quan thông tin đại chúng như đài truyền hình, đài phát thanh, các tòa soạn, tạp chí.
- Điều hành các hãng luật, các công ty luật.
- Thực hiện hoạt động quản lý và quản trị tại các doanh nghiệp, các tập đoàn kinh tế.

5. THÔNG TIN TUYỂN SINH, QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

5.1. Thông tin tuyển sinh

Thực hiện theo Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học; Công văn số 1557/BGDĐT-GDĐH ngày 21/04/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thực hiện đánh giá năng lực ngoại ngữ đầu vào đối với người dự tuyển chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ và Quyết định số 752/2021/QĐ-ĐHL ngày 06/10/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Luật Tp Hồ Chí Minh. Theo đó, người học phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

(a) Đã tốt nghiệp đại học

(a) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp.

Bảng 02: Danh mục ngành phù hợp trình độ đại học dự tuyển đào tạo thạc sĩ Luật:

STT	Mã số	Ngành
1	7380101	Luật
2	7380102	Luật Hiến pháp và luật Hành chính

3	7380103	Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự
4	7380104	Luật Hình sự và Tổ tụng hình sự
5	7380107	Luật Kinh tế
6	7380108	Luật Quốc tế
7	7380109	Luật Thương mại quốc tế

Và

(c) Có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc các chứng chỉ quốc tế theo bảng tham chiếu quy đổi một số văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ tương đương Bậc 3 và Bậc 4 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

Bảng 05. Tham chiếu quy đổi một số văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ tương đương bậc 3 và bậc 4 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam

TT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ/Văn bằng	Trình độ/Thang điểm	
			Tương đương Bậc 3	Tương đương Bậc 4
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	30 - 45	46 - 93
		TOEFL ITP	450-499	
		IELTS	4.0 - 5.0	5.5 - 6.5
		Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/Linguaskill Thang điểm: 140-159	B2 First/B2 Business Vantage/Linguaskill Thang điểm: 160-179
		TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 275-399 Đọc: 275-384 Nói: 120-159 Viết: 120-149	Nghe: 400-489 Đọc: 385-450 Nói: 160-179 Viết: 150-179
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF: 300-399 Văn bằng DELF B1 Diplôme de Langue	TCF: 400-499 Văn bằng DELF B2 Diplôme de Langue

3	Tiếng Đức	Goethe - Institut	Goethe-Zertifikat B1	Goethe-Zertifikat B2
		The German TestDaF language certificate	TestDaF Bậc 3 (TDN 3)	TestDaF Bậc 4 (TDN 4)
4	Tiếng Trung Quốc	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK Bậc 3	HSK Bậc 4
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N4	N3
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранном у	ТРКИ-1	ТРКИ-2

b.1. Ứng viên được xem đáp ứng yêu cầu có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam khi có một trong các văn bằng, chứng chỉ sau:

(i) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài;

(ii) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh cấp trong thời gian không quá 02 năm mà chuẩn đầu ra của chương trình đã đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ đạt trình độ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

(iii) Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định tại Phụ lục I hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

b.2. Người dự tuyển chưa đạt điều kiện về năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam theo quy định, trường hợp tham gia kỳ thi đánh giá năng lực ngoại ngữ đầu vào do Trường tổ chức phải có kết quả “đạt”.

b.3. Ứng viên dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học các chương trình đào tạo thạc sĩ bằng tiếng Việt phải đạt trình độ tiếng Việt từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực

tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt; đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai theo quy định tại Phụ lục I.

- (c) Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;
- (d) Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định tại Thông tin tuyển sinh và trong thông báo tại thời điểm tuyển sinh;
- (đ) Có kết quả xét tuyển phù hợp với chỉ tiêu theo Đề án tuyển sinh sau đại học hàng năm của trường
- (e) Thực hiện việc xác nhận nhập học và làm thủ tục nhập học trong thời hạn quy định.

(b) Phương thức tuyển sinh

Căn cứ quy chế tuyển sinh, đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh, nhu cầu người học và năng lực đào tạo của Trường, hàng năm Hiệu trưởng sẽ ban hành Đề án tuyển sinh, trong đó quy định phương thức tuyển sinh cụ thể.

Trong giai đoạn 3 năm đầu tiên thực hiện chương trình này, áp dụng các phương thức tuyển sinh sau:

Phương thức “Xét tuyển hồ sơ kết hợp phỏng vấn của Ban chuyên môn”: áp dụng cho Người dự tuyển ĐẠT yêu cầu về năng lực ngoại ngữ.

Phương thức “Xét tuyển hồ sơ kết hợp phỏng vấn của Ban chuyên môn và thi tiếng Anh”: áp dụng cho Người dự tuyển CHƯA ĐẠT yêu cầu về năng lực ngoại ngữ và có nguyện vọng tham gia kỳ thi tiếng Anh do Trường tổ chức.

Đối với chương trình định hướng nghiên cứu, yêu cầu hạng tốt nghiệp từ khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu (*Theo Danh mục tạp chí khoa học được tính điểm do Hội đồng Giáo sư Nhà nước công bố*).

(c) Quy trình tuyển sinh

Bước 1: Xét hồ sơ

Căn cứ vào các kết quả học tập ở bậc cử nhân; đối tượng ưu tiên; thâm niên và vị trí công việc đang đảm nhận... với số điểm tối đa là 70 điểm.

Bước 2: Phỏng vấn

Ban chuyên môn phỏng vấn trực tiếp người dự tuyển về các nội dung về kiến thức nền tảng khoa học pháp lý và hiểu biết về ngành đào tạo dự tuyển; kỹ năng với kết quả phỏng vấn chiếm tối đa là 30 điểm.

Bước 3: Tổng hợp và trình Hội đồng tuyển sinh quyết định danh sách trúng tuyển.

5.2 Quy trình đào tạo

Quy chế đào tạo được sử dụng trong quá trình đào tạo ngành theo hình thức đào tạo chính quy tại Trường là Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh, ban hành kèm Quyết định số 752/2021/QĐ-ĐHL ngày 06/10/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh.

- Việc áp dụng quy chế đào tạo tín chỉ nhằm tạo điều kiện để học viên tích cực, chủ động thích ứng với quy trình đào tạo để đạt được những kết quả tốt nhất trong học tập, rèn luyện, nghiên cứu khoa học tại Trường.
- Hình thức đào tạo chính quy tập trung: có thời gian đào tạo theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa là 02 năm (24 tháng) tính từ thời điểm công nhận kết quả trúng tuyển, và được triển khai trong 4 (bốn) học kỳ.
- Chương trình đào tạo được triển khai giảng dạy trong 03 học kỳ, mỗi học kỳ học từ 20 TC đến 24 TC và 01 học kỳ dự phòng.
- Một tín chỉ được tính tương đương 50 giờ học tập định mức của học viên, bao gồm hoạt động dạy học trên lớp (giảng lý thuyết và thảo luận), giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá.
- Đối với hoạt động dạy học trên lớp, một tín chỉ yêu cầu thực hiện 12 giờ lý thuyết và 6 giờ thảo luận (tỷ lệ giờ lý thuyết 80% và thảo luận 20%). Một giờ trên lớp được tính bằng 50 phút.
- Thời gian giảng dạy mỗi học phần trong chương trình đào tạo tương ứng với số tín chỉ của học phần, cụ thể: học phần 02 TC giảng dạy trong 1 tuần; học phần 03 TC giảng dạy trong 1,5 tuần; học phần 04 TC giảng dạy trong 2 tuần.
- Đối với các học phần là các đề tài, dự án, chuyên đề nghiên cứu, học viên thực hiện dưới hình thức tự nghiên cứu, giảng viên hướng dẫn 1/3 số giờ.
- Các học phần được tổ chức giảng dạy theo hình thức trực tiếp kết hợp với trực tuyến. Tối đa 30% tổng khối lượng của chương trình đào tạo được thực hiện bằng hình thức trực tuyến. Hình thức trực tuyến được bố trí 02 buổi vào các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (thời lượng 4 tiết/buổi từ 18g00 đến 21g15). Hình thức trực tiếp được bố trí 03 buổi vào các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (thời lượng 4 tiết/buổi từ 18g00 đến 21g15) và cả ngày thứ 7 hàng tuần với thời lượng 10 tiết, sáng từ 7g30 đến 11g45, chiều từ 13g30 đến 17g45.
- Thời gian tối đa để sinh viên hoàn thành khóa học không vượt quá 2 (hai) lần thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa;

Tổng khối lượng học tập của Chương trình đào tạo thạc sĩ Luật, định hướng nghiên cứu là 60 TC. Trong đó, 06 TC thuộc khối kiến thức cơ bản; 16 TC thuộc khối kiến thức cơ sở ngành;

14 TC thuộc khối kiến thức cốt lõi ngành; 12 TC nghiên cứu khoa học; và 12 TC luận văn tốt nghiệp.

Khối kiến thức cơ bản: trang bị tri thức phương pháp luận và thế giới quan khoa học, giúp học viên vượt ra khỏi khuôn khổ luật thực định để đặt vấn đề pháp lý vào bối cảnh rộng hơn (đạo đức, công lý, quyền lực nhà nước, nhà nước pháp quyền), từ đó xây dựng câu hỏi nghiên cứu và lựa chọn phương pháp tiếp cận phù hợp.

Khối kiến thức cơ sở ngành: tập trung vào các lĩnh vực cốt lõi và xu hướng phát triển pháp luật hiện đại; rèn luyện tư duy phân biện và kỹ năng giải quyết vấn đề, phục vụ nghiên cứu độc lập, hoạch định chính sách và tư vấn chuyên nghiệp.

Khối kiến thức cốt lõi ngành: cung cấp kiến thức chuyên sâu nhằm vận dụng trực tiếp vào việc giải quyết các vấn đề pháp lý chuyên sâu: bao gồm các học phần bắt buộc và tự chọn để người học tích lũy phù hợp với vị trí công tác và xây dựng kiến thức cốt lõi cho việc lựa chọn và thực hiện các chuyên đề nghiên cứu, luận văn tốt nghiệp.

Chuyên đề nghiên cứu: củng cố kiến thức nền tảng toàn diện cho việc thực hiện luận văn; thực hành đủ quy trình nghiên cứu từ xác định vấn đề, tổng quan tài liệu, thu thập – phân tích dữ liệu đến trình bày kết quả và bảo vệ quan điểm khoa học.

Luận văn tốt nghiệp: là báo cáo khoa học độc lập, thể hiện năng lực làm chủ phương pháp nghiên cứu, kiến thức tổng hợp và chuyên sâu để giải quyết vấn đề pháp lý cụ thể.

5.3 Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp

Căn cứ Quy chế đào tạo của Trường, học viên có đủ các điều kiện sau thì được Hội đồng xét tốt nghiệp xét công nhận tốt nghiệp:

- Đã hoàn thành các học phần của chương trình đào tạo và bảo vệ Luận văn đạt yêu cầu
- Có trình độ ngoại ngữ đạt yêu cầu theo chuẩn đầu ra của chương trình đầu đào tạo tại thời điểm xét tốt nghiệp được minh chứng bằng một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương bậc 4 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, quy định tại phụ lục của Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ tại trường đại học luật thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 752/ QĐ-DHL ngày 06 tháng 10 năm 2021 hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ giáo dục và đào tạo công bố hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành khác mà chương trình thực hiện hoàn toàn bộ bằng ngôn ngữ nước ngoài;
- Hoàn thành các trách nhiệm theo quy định của trường; không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật đình chỉ học tập

Quy trình, thủ tục xét và công nhận tốt nghiệp, thời gian và số lần xét tốt nghiệp trong năm được thực hiện như sau:

Nhà trường tổ chức xét và ra quyết định công nhận tốt nghiệp trong thời hạn 02 tháng tính từ ngày học viên bảo vệ thành công Luận văn và nộp lại Luận văn đã được chỉnh sửa theo kết luận của hội đồng (nếu có) tại Trung tâm thông tin thư viện của trường .

Trường hợp đề án phải thẩm định thì thời hạn tổ chức xét và ra quyết định công nhận tốt nghiệp tối đa thêm 03 tháng trong trường hợp phải tổ chức thẩm định.

Trong nhà trường cấp bằng thạc sĩ cho học viên trong thời hạn 01 tháng tính từ ngày có quyết định công nhận tốt nghiệp

Nội dung ghi trên văn,bằng và phụ lục văn bằng được thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo trong đó phụ lục ghi rõ chương trình định hướng nghiên cứu

Đối học viên không đủ điều kiện tốt nghiệp theo thời hạn học tập quy định thì Hiệu trưởng sẽ cấp giấy chứng nhận kết quả các học phần mà học viên đã tích lũy trong chương trình đào tạo.

6. ĐỘI NGŨ VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ GIẢNG DẠY

6.1 Đội ngũ giảng viên

a) Đội ngũ nhân sự của Trường

Tính đến ngày 15 tháng 11 năm 2025, Trường có 485 viên chức và người lao động, trong đó có 354 giảng viên và 131 chuyên viên, nhân viên phục vụ; đội ngũ giảng viên của Trường có 05 giáo sư, 21 phó giáo sư, 142 tiến sĩ, 207 thạc sĩ và 05 cử nhân trình độ đại học. Các giảng viên này không những được đào tạo ở các trường đứng đầu trong nước mà còn được đào tạo ở các nước tiên tiến trong khu vực và trên thế giới như: Anh, Đức, Liên xô (cũ) Hà Lan, Hàn Quốc, Nhật Bản, Thụy Điển, Pháp, Singapore, Úc,..v.v... .

Đội ngũ giảng viên của Trường mạnh về số lượng và có trình độ chuyên môn cao, bề dày kinh nghiệm trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học, giỏi ngoại ngữ, có kiến thức pháp luật chuyên sâu về thương mại quốc tế, thanh toán quốc tế và chuyển giao công nghệ quốc tế của một số nước tiên tiến trong khu vực và trên thế giới,..v.v... . Đây là thế mạnh vượt trội của Trường so với các cơ sở đào tạo khác khi Trường xây dựng và triển khai thực hiện các chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ của các ngành đào tạo thuộc.

Ngoài ra, Trường còn có đội ngũ giảng viên thỉnh giảng là những chuyên gia giàu kinh nghiệm trong lĩnh vực pháp luật đầu tư quốc tế, kinh doanh, thương mại quốc tế đã góp phần hoàn thiện kiến thức, kỹ năng của sinh viên ở nhiều lĩnh vực khác nhau cũng như nâng cao tính thực tiễn của các chương trình đào tạo.

b) Đội ngũ nhân sự, tổ chức bộ máy và nhân sự lãnh đạo của Khoa Luật Thương mại

Khoa Luật Thương mại là đơn vị chuyên môn cấp khoa để quản lý các hoạt động tuyển sinh, đào tạo, chuyên môn, giảng viên, học viên và các nhiệm vụ quản lý khác đối với ngành đào tạo Luật trình độ thạc sĩ. Đội ngũ giảng viên của Khoa hiện có 52 giảng viên (48 cơ hữu, 03

Hợp đồng lao động), trong đó có 05 phó giáo sư, 19 tiến sĩ và 30 thạc sĩ (trong đó có 07 giảng viên đang làm nghiên cứu sinh). Các giảng viên của Khoa đều đã từng được đào tạo tại các trường đại học danh tiếng trong nước như Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh, Đại học Luật Hà Nội..., cũng như có kinh nghiệm học tập và nghiên cứu tại các cơ sở giáo dục đại học uy tín của các quốc gia như Úc, Liên bang Nga, Pháp, Mỹ, Nhật, Hàn Quốc... Nhiều giảng viên của Khoa đã được vinh danh ở cấp Thành phố và toàn quốc, minh chứng cho chất lượng giảng dạy và sự nỗ lực không ngừng của đội ngũ nhà giáo.

Về tổ chức bộ máy, hiện tại, Khoa Luật Thương mại có 03 bộ môn gồm: Bộ môn Luật Thương mại, Bộ môn Luật Đất đai - Môi trường và Bộ môn Luật Thuế - Tài chính - Ngân hàng.

Về nhân sự lãnh đạo cấp khoa, hiện tại, Khoa Luật Thương mại có 01 Trưởng Khoa, 01 Phó trưởng Khoa và 03 Trưởng Bộ môn.

c) *Đội ngũ giảng viên chủ trì mở ngành đào tạo, chủ trì giảng dạy chương trình đào tạo và hướng dẫn luận văn*

(i) Theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT, Trường phải có ít nhất 05 tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu, trong đó có 01 giáo sư hoặc phó giáo sư không trùng với giảng viên cơ hữu là điều kiện mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ của ngành khác, có kinh nghiệm quản lý đào tạo hoặc giảng dạy đại học tối thiểu từ 03 năm trở lên chịu trách nhiệm chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo.

Theo đó, giảng viên có chức danh phó giáo sư, trình độ tiến sĩ “ngành phù hợp” chịu trách nhiệm chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo đó là Nguyễn Văn Vân (Học vị: Tiến sĩ luật; Năm tốt nghiệp: 1998 tại Liên Xô cũ; Học hàm: Phó giáo sư 2012) có trình độ chuyên môn ngành Luật và kinh nghiệm giảng dạy sau đại học tính đến thời điểm này là 24 năm.

Bảng 06: Danh sách giảng viên cơ hữu có chức danh giáo sư, phó giáo sư, trình độ tiến sĩ “ngành phù hợp” chịu trách nhiệm chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo:

STT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ	Học hàm, năm phong	Học vị, nước đào tạo, năm tốt nghiệp	Ngành/ Chuyên ngành	Tên luận án	Công trình NCKH
1	Lê Trường Sơn Sinh năm: 1971 Chức vụ: Hiệu trưởng Trường		Tiến sĩ, Việt Nam, 2016	Luật Kinh tế	Giai đoạn tiền hợp đồng trong pháp luật Việt Nam	- Đề tài NCKH cấp trường/bộ: 04/04 liên quan đến ngành Luật - Sách: 11/11 sách, giáo trình

	Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh					liên quan đến ngành Luật - Bài báo: 08/08 công bố liên quan đến ngành Luật
2	Lê Nguyên Thanh Sinh năm: 1973 Chức vụ: Giảng viên Khoa Luật Hình sự, Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh		Tiến sĩ, Việt Nam, 2013	Luật Hình sự và tố tụng hình sự	Người bị thiệt hại do tội phạm gây ra trong tổ tụng hình sự Việt Nam	- Đề tài NCKH cấp trường/bộ: 05/05 liên quan đến ngành Luật - Sách: 05/05 sách, giáo trình liên quan đến ngành Luật - Bài báo: 18/18 công bố liên quan đến ngành Luật
3	Lê Vĩnh Châu Sinh năm: 1972 Chức vụ: Phó Trưởng khoa Luật Dân sự, Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh		Tiến sĩ, Việt Nam, 2016	Luật Kinh tế	Thi hành bản án, quyết định của Toà án giải quyết tranh chấp trong kinh doanh thương mại	- Đề tài NCKH cấp trường/bộ: 03/03 liên quan đến ngành Luật - Sách: 06/06 sách, giáo trình liên quan đến ngành Luật - Bài báo: 30/30 công bố liên quan đến ngành Luật
4	Đỗ Thanh Trung Sinh năm: 1979		Tiến sĩ, Việt Nam	Luật	Chức năng tạo lập và áp	- Đề tài NCKH cấp trường/bộ:

	Chức vụ: Giảng viên Khoa Luật Hành chính-Nhà nước, Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh		Nam, 2018		dụng án lệ của tòa án	01/01 liên quan đến ngành Luật - Sách: 04/04 sách, giáo trình liên quan đến ngành Luật - Bài báo: 14/14 công bố liên quan đến ngành Luật
5	Nguyễn Thị Thu Thảo Sinh năm: 1987 Chức vụ: Giảng viên kiêm nhiệm chuyên viên Phòng Đào tạo Sau đại học, Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh		Tiến sĩ, Việt Nam, 2024	Luật Kinh tế	Biện pháp vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Tổ chức thương mại thế giới - Những vấn đề pháp lý đặt ra đối với Việt Nam	- Đề tài NCKH cấp trường/bộ: 07/07 liên quan đến ngành Luật - Sách: 04/04 sách, giáo trình liên quan đến ngành Luật - Bài báo: 10/10 công bố liên quan đến ngành Luật

(ii) Trường có đội ngũ giảng viên bảo đảm đủ về số lượng và chất lượng để thực hiện chương trình đào tạo, trong đó có giảng viên cơ hữu với chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy đối với từng học phần trong chương trình đào tạo ngành Luật trình độ thạc sĩ bao gồm:

- Bà Hà Thị Thanh Bình, có chức danh phó giáo sư và trình độ chuyên môn là tiến sĩ ngành Luật;
- Bà Nguyễn Thị Phương Hoa, có chức danh phó giáo sư và trình độ chuyên môn là tiến sĩ ngành Luật;
- Ông Phan Huy Hồng, có chức danh phó giáo sư và trình độ chuyên môn là tiến sĩ ngành Luật;
- Ông Trần Thăng Long, có chức danh phó giáo sư và trình độ chuyên môn là tiến sĩ ngành Luật;
- Ông Vũ Văn Nhiêm, có chức danh phó giáo sư và trình độ chuyên môn là tiến sĩ ngành Luật;

- Ông Nguyễn Xuân Quang, có trình độ chuyên môn là tiến sĩ ngành Luật.

(iii) Theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT, Trường có đội ngũ người hướng dẫn luận văn bảo đảm đủ về số lượng và tiêu chuẩn theo quy định tại quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường. Theo đó, giảng viên có chức danh giáo sư, phó giáo sư, trình độ tiến sĩ hướng dẫn luận văn cho học viên theo học Chương trình đào tạo ngành Luật trình độ thạc sĩ bao gồm:

- Ông Đỗ Văn Đại, có chức danh giáo sư và trình độ chuyên môn là tiến sĩ ngành Luật;

- Ông Trần Việt Dũng, có chức danh phó giáo sư và trình độ chuyên môn là tiến sĩ ngành Luật;

- Ông Lê Huỳnh Tấn Duy, có chức danh phó giáo sư và trình độ chuyên môn là tiến sĩ ngành Luật;

- Ông Lưu Quốc Thái, có chức danh phó giáo sư và trình độ chuyên môn là tiến sĩ ngành Luật;

- Bà Nguyễn Thị Thủy, có chức danh phó giáo sư và trình độ chuyên môn là tiến sĩ ngành Luật.

- Ông Nguyễn Mạnh Hùng, có trình độ chuyên môn là tiến sĩ ngành Luật.

(iv) Theo quy định tại khoản 4 Điều 5 Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT, Trường có kinh nghiệm trong tổ chức đào tạo, nghiên cứu khoa học liên quan tới ngành đào tạo trình độ thạc sĩ là ngành phù hợp đối với một ngành đã tổ chức đào tạo và cấp bằng ở trình độ đại học. Theo đó, ngành Luật trình độ đại học của Trường đã được cấp có thẩm quyền cho phép tuyển sinh và đào tạo từ năm 1988 theo Quyết định số 14-QĐ/TC ngày 30/01/1988 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

6.2 Cơ sở vật chất

6.2.1. Điều kiện cơ sở vật chất hiện hữu đảm bảo mở ngành đào tạo

(i) Về cơ sở vật chất, giảng đường, phòng học, phòng làm việc:

- Về giảng đường, phòng học, phòng làm việc phục vụ cho việc tuyển sinh và đào tạo ngành Luật trình độ thạc sĩ được Trường sử dụng và thực hiện việc đầu tư mua sắm giống như các ngành hiện nay đang được Trường tổ chức đào tạo;

- Địa điểm tổ chức đào tạo:

+ Cơ sở Nguyễn Tất Thành (Quận 4) có diện tích đất là 3.569m² và có diện tích sàn xây dựng là 13.360m², trong đó có 1.460m² làm thư viện và 5.384m² làm phòng học và phòng thảo luận; có số lượng phòng học và phòng thảo luận là 55 phòng, với sức chứa từ 41 đến 342 chỗ ngồi;

+ Cơ sở Bình Triệu (thành phố Thủ Đức) có diện tích đất là 3.627m² và có diện tích sàn xây dựng là 12.132m², trong đó có 830m² làm thư viện và 3.909m² làm phòng học và phòng thảo luận; có số lượng phòng học và phòng thảo luận là 34 phòng, với sức chứa từ 20 đến 320 chỗ ngồi;

+ Cơ sở Long Phước (thành phố Thủ Đức) có diện tích đất là 128.376m² và có diện tích sàn xây dựng là 32.660m² (đang trong quá trình hoàn tất thi công), trong đó có 784m² làm thư viện và 4.500m² làm phòng học và phòng thảo luận; có số lượng phòng học và phòng thảo luận là 35 phòng, với sức chứa từ 80 đến 120 chỗ ngồi.

(ii) Trang thiết bị phục vụ đào tạo:

- Trang thiết bị làm việc và phục vụ đào tạo được trang bị đầy đủ, hiện đại. Tất cả máy tính đều được kết nối mạng internet tốc độ cao, liên tục 24/24; tất cả phòng học được trang bị máy chiếu (*projector*) và màn hình LCD chất lượng cao. Trường còn có 01 phòng diễn án với các thiết bị, dụng cụ đáp ứng yêu cầu thực hành xét xử các vụ án, 02 phòng thực hành máy tính, 01 phòng Lab và 01 phòng thiết bị đa năng.

Bảng 07: Trang thiết bị phục vụ đào tạo tại 03 cơ sở của Trường như sau:

Stt	Phòng học		Trang thiết bị	
	Loại phòng học	Số lượng	Tên gọi thiết bị	Số lượng
1	Phòng học đa phương tiện	124 (trong đó có 35 phòng dự kiến đưa vào hoạt động từ cuối năm 2025)	Máy chiếu (thuyết giảng)	91
			Màn hình LCD (thuyết giảng)	33
2	Phòng học ngoại ngữ	3	Máy chiếu (thuyết giảng)	3
			Màn hình LCD (thuyết giảng)	1
3	Tất cả các giảng đường tại cơ sở Nguyễn Tất Thành	55	Wifi router (kết nối mạng internet tại các phòng học)	125
4	Tất cả các giảng đường tại cơ sở Bình Triệu	34	Wifi router (kết nối mạng internet tại các phòng học)	34

Stt	Phòng học		Trang thiết bị	
	Loại phòng học	Số lượng	Tên gọi thiết bị	Số lượng
5	Tất cả các giảng đường tại cơ sở Long Phước (dự kiến đưa vào hoạt động vào cuối năm 2025)	35	Wifi router (kết nối mạng internet tại các phòng học)	101

- Ngoài ra, trang thiết bị phục vụ đào tạo của Trường còn có hệ thống máy chủ và hạ tầng kết nối mạng internet tốc độ cao, đảm bảo đầy đủ các điều kiện, tiêu chuẩn về diện tích, vị trí, sàn nâng, nhiệt độ, phòng cháy, chống sét.

(iii) Trang thông tin điện tử:

- Trang thông tin điện tử để đăng tải các thông tin yêu cầu phải công khai, minh bạch thông tin theo quy định; là nơi cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin chính thống của Trường phục vụ cho hoạt động tuyển sinh và đào tạo ngành Luật trình độ đại học thạc sĩ, có tại địa chỉ: <https://www.hcmulaw.edu.vn>.

(iv) Thư viện, giáo trình, sách:

- Trường có hệ thống thư viện với quy mô lớn và được trang bị các trang thiết bị hiện đại nhất tại khu vực phía Nam. Ngoài thế mạnh là tài liệu chuyên ngành Luật, Trường còn có các tài liệu tham khảo, sách, giáo trình liên quan đến lĩnh vực kinh tế, quản trị và kinh doanh. Thư viện hiện được đặt tại 02 cơ sở của Trường (gồm cơ sở Nguyễn Tất Thành, Quận 4 và cơ sở Bình Triệu, thành phố Thủ Đức), với tổng diện tích sàn xây dựng tại các cơ sở này là 4.454m², trong đó diện tích phòng đọc là 3.304m². Trong năm học 2025-2026, Trường dự kiến sẽ đưa Thư viện vào hoạt động tại cơ sở 3 với quy mô 784m²;

- Thư viện được thiết kế, xây dựng và đưa vào hoạt động với cơ sở hạ tầng theo tiêu chuẩn của các thư viện điện tử hiện đại trên thế giới, với phần mềm quản lý thư viện theo tiêu chuẩn MARC (*Machine - Readable - Cataloging*). Hệ thống thông tin - thư viện này không chỉ cung cấp cho bạn đọc tài liệu truyền thống như: sách, giáo trình, luận án, tạp chí,... mà còn có cả tài liệu điện tử. Trong đó, bao gồm cả đĩa mềm và các cơ sở dữ liệu trực tuyến như: Westlaw, Heinonline, Eline@Vietnam,... . Mục lục truy cập công cộng trực tuyến Online public access catalog (OPAC), tạo điều kiện thuận lợi cho bạn đọc tìm kiếm thông tin nhanh chóng. Bên cạnh đó, ngoài các hình thức phục vụ phổ biến như: đọc tại chỗ, mượn về nhà, sao chụp tài liệu, phát hành tài liệu gốc, Thư viện của Trường còn cung cấp dịch vụ tra cứu, tư vấn thông tin theo yêu cầu.

- Về sách, giáo trình và tài liệu tham khảo có trong Thư viện của Trường đảm bảo đáp ứng tài liệu học tập HV theo học chương trình này.

- Ngoài ra, Trường còn có rất nhiều đầu giáo trình và tài liệu khác liên quan đến Chương trình đào tạo ngành Luật trình độ đại học và sau đại học được thống kê đến thời điểm hiện tại (ngày 01/11/2025) như sau:

(i) Tổng số đầu tài liệu: 24.386;

(ii) Tổng số bản tài liệu: 90.151;

(iii) Tổng số đầu sách, giáo trình, sách tham khảo: 15.242;

(iv) Tổng số bản sách, giáo trình, sách tham khảo: 71.558.

- Trường có thư viện điện tử, thư viện số:

(i) Thư viện số tài liệu nội sinh: 16.929 file, tại địa chỉ website: <http://thuvienso.hcmulaw.edu.vn/>;

(ii) Các cơ sở dữ liệu mua ngoài như:

+ CSDL văn bản pháp luật - thư viện pháp luật, tại địa chỉ website: <https://thuvienphapluat.vn/>;

+ CSDL Westlaw, tại địa chỉ website: <https://next.westlaw.com/>;

+ CSDL Heinonline, tại địa chỉ website: <http://heinonline.org/>;

+ CSDL Sách điện tử (E-book), tại địa chỉ website: <http://portal.igpublish.com/iglibrary/>.

(iii) Các cơ sở dữ liệu hợp tác với các đơn vị ngoài Trường như:

+ CSDL Thư viện số của Trường Đại học Luật Hà Nội, Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Kinh tế - Luật thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội, Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh và Thư viện Khoa học Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh; tại địa chỉ website: <http://thuvien.hlu.edu.vn/>;

+ CSDL Tạp chí toàn văn của Cục Khoa học và Công nghệ quốc gia, tại địa chỉ website: <https://sti.vista.gov.vn/>;

+ CSDL Văn bản pháp luật - Luật Việt Nam, tại địa chỉ website: <https://luatvietnam.vn/>;

+ CSDL Toàn văn Luận án tiến sĩ của Bộ Giáo dục và đào tạo, tại địa chỉ website: <https://luanvan.moet.gov.vn/>.

(iv) Ngoài ra, Trường còn có các địa chỉ website phục vụ trực tiếp cho việc giảng dạy, học tập và nghiên cứu như: <https://nhasach.hcmulaw.edu.vn/> (Trung tâm Học liệu) và <https://library.hcmulaw.edu.vn/> (Thư viện).

6.2.2. Kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất

Trường đang triển khai dự án xây dựng Cơ sở Long Phước đã đưa vào sử dụng có thiết kế công năng hiện đại trên diện tích hơn 30ha, bao gồm khu hành chính, giảng đường, ký túc xá, khu thể thao tại phường Long Phước, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh. Từ tháng 09/2025, cơ

sở này đi vào hoạt động sẽ nâng cao tổng diện tích sử dụng phục vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học lên ít nhất 100% nhằm đáp ứng tốt hơn nữa yêu cầu của học viên và giảng viên.

7. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP

Phương pháp giảng dạy và học tập của Trường ĐH Luật TP. HCM là tiếp cận giáo dục dựa trên **chuẩn đầu ra (Outcome-Based Education – OBE)**. Ở cấp độ chương trình, từ chuẩn đầu ra mong đợi của chương trình đào tạo, thiết kế chuẩn đầu ra dành cho **học viên**, thiết kế chuẩn đầu ra môn học.

Dựa trên chuẩn đầu ra này xây dựng kế hoạch giảng dạy, tiến hành giảng dạy, đề cương môn học, phương pháp giảng dạy, phương pháp học tập và các công cụ đánh giá.

Sau khi kết thúc môn học tiến hành đánh giá môn học và tiến đến đánh giá chương trình để tiến hành cải tiến chuẩn đầu ra chương trình.

7.1. Chuẩn bị của giảng viên

Giảng viên giảng dạy CTĐT Thạc sĩ ngành Luật cần trang bị những kinh nghiệm dạy học khác nhau:

Nắm rõ các dạng học phần mà mình tham gia giảng dạy (phần lý thuyết chuyên sâu hay thảo luận chuyên đề, học phần bắt buộc, học phần tự chọn hay học phần thay thế Luận văn Tốt nghiệp...);

Nắm rõ các phương pháp dạy học (dạy học liên môn, dạy học tích hợp ứng dụng vào thực tiễn hành nghề...);

Hiểu rõ trình độ chuyên môn của học viên trong lớp;

Hiểu rõ về các chính sách trong học tập;

Giảng viên cần chuẩn bị giáo trình, bài giảng, đề cương chi tiết học phần, các slides trình chiếu, lịch trình dạy học, kế hoạch dạy học và thông báo cho học viên.

7.2. Các phương pháp giảng dạy - học tập

Phương pháp giảng dạy - học tập của CTĐT Thạc sĩ ngành Luật, Định hướng Nghiên cứu được thực hiện theo các định hướng sau đây:

a) Phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học viên; tránh áp đặt một chiều, ghi nhớ máy móc; tập trung bồi dưỡng năng lực tự chủ, tự nghiên cứu nâng cao trình độ để học viên có thể tiếp tục tìm hiểu, mở rộng vốn tri thức, tiếp tục phát triển các phẩm chất, kỹ năng thực hành nghề nghiệp chuyên sâu sau khi tốt nghiệp.

b) Rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức pháp lý chuyên sâu để phân tích, phát hiện và giải quyết các vấn đề pháp luật phức tạp trong thực tiễn hành nghề; khuyến khích và tạo điều kiện cho học viên được trải nghiệm, sáng tạo trên cơ sở tổ chức cho học viên tham gia các hoạt

động học tập, tìm tòi, khám phá, vận dụng kiến thức thông qua tình huống thực tế hoặc mô phỏng tranh tụng/tư vấn.

c) Vận dụng các phương pháp dạy học một cách linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục Thạc sĩ, đối tượng học viên và điều kiện cụ thể. Tùy theo yêu cầu cần đạt, giảng viên có thể sử dụng phối hợp nhiều phương pháp dạy học khác nhau. Các phương pháp dạy học truyền thống (thuyết trình, đàm thoại...) được sử dụng theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động của học viên.

d) Tăng cường sử dụng các phương pháp dạy học đề cao vai trò chủ thể học tập của học viên (dạy học thực hành, phân tích án lệ, phân tích chính sách, dạy học nêu và giải quyết vấn đề pháp lý phức tạp, dạy học theo dự án tư vấn/pháp chế... với những kỹ thuật dạy học phù hợp).

e) Các hình thức tổ chức dạy học được thực hiện một cách đa dạng và linh hoạt; kết hợp các hình thức học cá nhân, học nhóm, học ở giảng đường, học theo chuyên đề nghiên cứu/dự án thực tiễn, tự học...

g) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy học, đặc biệt là các công cụ hỗ trợ nghiên cứu và quản lý hồ sơ pháp lý. Coi trọng các nguồn học liệu là giáo trình chính và tài liệu tham khảo thêm đã được giảng viên trang bị; cần khai thác triệt để những lợi thế của công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy học trên các phương tiện kho tri thức - đa phương tiện, tăng cường sử dụng các tư liệu điện tử.

Chiến lược và phương pháp giảng dạy

Chiến lược giảng dạy	Mô tả	Phương pháp giảng dạy
Giảng dạy trực tiếp	Đa số các môn học lý thuyết chuyên sâu được dạy theo phương pháp thuyết trình thuyết giảng, vấn đáp, đặt câu hỏi gợi ý, giao bài tập chuyên đề về nhà cho học viên và kiểm tra khả năng tự học của học viên thông qua bài tập, thảo luận, Seminar chuyên môn.	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng - Bài học chuyên đề - Câu hỏi gợi ý, chẩn đoán vấn đề pháp lý - Luyện tập & thực hành
Giảng dạy gián tiếp	Một số học phần giảng dạy gián tiếp không có sự can thiệp rõ ràng nào của giảng viên, các môn học được chọn lựa trong CTĐT của chuyên ngành có thể được tiến hành theo phương pháp dạy dựa trên vấn đề pháp lý phức tạp, học viên được tạo điều kiện môi trường tốt nhất cho hoạt động học tập các học phần này.	<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích yêu cầu khách hàng/cơ quan - Giải quyết vấn đề pháp lý phức tạp - Phân tích án lệ/Nghiên cứu tình huống thực tiễn

		- Xây dựng giải pháp/ý tưởng pháp lý
Học tập trải nghiệm	Các môn học trong chương trình đào tạo được thiết kế học tập trải nghiệm như các môn kỹ năng thực hành chuyên sâu mà học viên được trang bị học tập thực hành.	- Mô phỏng tranh tụng/tư vấn - Phân tích hồ sơ/Hình ảnh tập trung - Đóng vai (luật sư, thẩm phán, công chứng viên) - Mô hình thực tiễn - Trò chơi pháp lý - Thực tế chuyên môn/Kiến tập
Giảng dạy tương tác	Được thực hiện hầu hết trong các môn học của chương trình đào tạo. Học viên làm bài tập nhóm, thuyết trình nhóm, làm thực nghiệm nhóm, Thực tập/Thực tế chuyên môn, tham quan thực tế và Luận văn Tốt nghiệp.	- Tranh luận học thuật/pháp lý - Thảo luận chuyên sâu - Giải quyết vấn đề - Học tập nhóm - Tương tác, phản hồi
Học tập độc lập	Hoạt động thực nghiệm, làm bài tập ở nhà, viết báo cáo thực tế chuyên môn và tự nghiên cứu chuyên đề.	- Phân công công việc cá nhân - Bài tập tham quan thực tế - Luận văn Tốt nghiệp

Các phương pháp giảng dạy học tập dựa trên chuẩn đầu ra môn học và phù hợp với mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT ngành Luật. Chính sách của Trường ĐH Luật TP. HCM là hỗ trợ tối đa về nguồn lực tài chính phù hợp, giảng viên có trình độ chuyên môn cao, kỹ năng sư phạm và khả năng nghiên cứu tốt, thái độ phục vụ nhiệt tình, cơ sở vật chất phục vụ đào tạo luôn được cải tiến, trang thiết bị cập nhật theo năm học đáp ứng nhu cầu học tập hiện tại và tương lai, chú trọng phát triển các kỹ năng mềm

Các phương pháp kiểm tra đánh giá đa dạng, đảm bảo tính tương tác. Thời gian cho phép thực hiện được quy định trong kế hoạch học tập và kiểm tra đánh giá của Trường ĐH Luật TP. HCM.

7.3. Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học

- Chương trình đào tạo được định kỳ rà soát định kỳ 2 năm/1 lần để điều chỉnh cho tốt hơn, và có tham khảo ý kiến của các bên liên quan.
- Có nhiều hình thức giúp đỡ hỗ trợ người học yếu trong việc học, đồng thời tăng cường thời gian làm bài tập, thực hành, thực tập, rèn luyện nghiệp vụ sư phạm.

- Mỗi học kỳ, các bộ môn, khoa xây dựng kế hoạch dự giờ của giảng viên, đặc biệt là giảng viên trẻ để trao đổi chia sẻ kiến thức, phương pháp giảng dạy, nâng cao năng lực giảng dạy của giảng viên.
- Các học phần của chương trình đào tạo đều được thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của người học về phẩm chất, tài năng, tâm, đức, trách nhiệm của giảng viên phụ trách học phần.

8. PHƯƠNG PHÁP VÀ HÌNH THỨC ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN; ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

8.1. Phương pháp đánh giá học phần

- Phương pháp đánh giá học phần được sử dụng trong Chương trình đào tạo thạc sĩ Luật định hướng nghiên cứu bao gồm: (1) Đánh giá quá trình (Formative Assessment) và (2) Đánh giá tổng kết (Summative Assessment). Việc đánh giá dựa trên nguyên tắc chính xác, trung thực, công bằng, khách quan. Đảm bảo đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về chuẩn đầu ra của học phần theo quy định của Khung trình độ quốc gia Việt Nam và được quy định trong đề cương chi tiết của mỗi học phần.

Đánh giá quá trình do giảng viên phụ trách lớp học phần thực hiện bằng một hoặc kết hợp một số phương pháp sau: tổ chức bài kiểm tra; làm bài tập nhóm; thuyết trình; thảo luận; báo cáo thu hoạch; đánh giá chuyên cần; thái độ tham gia học tập của học viên. Việc lựa chọn một hoặc một số phương pháp này để đánh giá do giảng viên quyết định và được quy định trong đề cương chi tiết học phần.

Đánh giá tổng kết được Trường tổ chức vào cuối mỗi học kỳ hoặc sau khi học xong học phần để giảng viên đánh giá. Các phương pháp đánh giá này được quy định trong đề cương chi tiết học phần, có thể thực hiện thông qua một hoặc một số cách thức sau: bài thi viết; vấn đáp; bài tiểu luận; nghiên cứu dự án; bài viết tạp chí.

Ma trận thể hiện mối liên hệ giữa phương pháp đánh giá và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

Phương pháp đánh giá	Chuẩn đầu ra (PLO)								
	1	2	3	4	5	6	7	8	9
I. Đánh giá quá trình									L
1. Đánh giá chuyên cần	L	L							L
2. Đánh giá bài kiểm tra	H	L							
3. Đánh giá thuyết trình	M	M			H	L	L		
4. Đánh giá bài báo cáo thu hoạch	M	M	L	M		L	L		

5. Đánh giá bài tập nhóm			L		L			M	
6. Đánh giá thuyết trình b/ tập nhóm			L		H	L			
II. Đánh giá tổng kết									
7. Bài thi viết (tự luận/trắc nghiệm)	L								
8. Thi vấn đáp					L				
9. Bài tiểu luận	L	L					M		
10. Kết quả nghiên cứu dự án	H	H		M		L	M	M	
11. Bài viết tạp chí	H	H	H	H	M	M	M	H	M
12. Bảo vệ luận văn	H	H	M	L	M		M		

8.2. Hình thức đánh giá học phần, thang điểm đánh giá và xếp loại học phần

8.2.1. Hình thức đánh giá học phần

Áp dụng đối với học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết, thảo luận và thực hành thì việc đánh giá học phần được tính bao gồm 2 (hai) điểm thành phần sau đây:

- Điểm thành phần thứ 1: Là điểm đánh giá quá trình do giảng viên phụ trách lớp học phần đánh giá thông qua hình thức ra đề kiểm tra, tự tổ chức kiểm tra và chấm điểm. Điểm thành phần thứ 1 có trọng số bằng 40% điểm học phần;
- Điểm thành phần thứ 2: Là điểm đánh giá tổng kết, nhà trường tổ chức cho giảng viên đánh giá thông qua hình thức thi viết trên giấy (trắc nghiệm hoặc tự luận), thi trên máy tính (trắc nghiệm hoặc tự luận), vấn đáp, chấm kết quả nghiên cứu dự án, thẩm định bài viết tạp chí hoặc kết hợp giữa các hình thức trên. Điểm thành phần thứ 2 có trọng số bằng 60% điểm học phần.

8.2.2. Thang điểm đánh giá và xếp loại học phần

- Điểm thành phần thứ 1 và điểm thành phần thứ 2 được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), nếu có điểm lẻ thì được làm tròn đến 0,5 (không phải năm).
- Điểm đánh giá học phần là tổng điểm của điểm thành phần thứ 1 (có trọng số bằng 40% điểm học phần) và điểm thành phần thứ 2 (có trọng số bằng 60% điểm học phần).
- Điểm đánh giá học phần được quy tròn đến 0,5 (không phải năm) và được xếp loại như sau:

Stt	Thang điểm 10	Xếp loại học phần	Chuyển sang thang điểm chữ
1.	9,5 và 10,0	Đạt	A
2.	8,5 và 9,0	Đạt	B ⁺

Stt	Thang điểm 10	Xếp loại học phần	Chuyển sang thang điểm chữ
3.	7,5 và 8,0	Đạt	B
4.	6,5 và 7,0	Đạt	C ⁺
5.	5,5 và 6,0	Đạt	C
6.	5,0	Không đạt	D ⁺
7.	4,0 và 4,5	Không đạt	D
8.	Dưới 4,0	Không đạt	F

8.3. Đánh giá kết quả học tập

- Kết quả các học phần trong chương trình đào tạo chỉ được xếp loại đạt khi có điểm đánh giá từ mức C trở lên.
- Đánh giá Luận văn: điểm Luận văn là trung bình cộng điểm chấm của các thành viên hội đồng có mặt trong buổi đánh giá Luận văn theo thang điểm 10; được xếp loại đạt khi lớn hơn hoặc bằng 5,5 điểm. Trong trường hợp đề không đạt yêu cầu, học viên được chỉnh sửa, bổ sung luận văn để được đánh giá lần thứ hai trong thời hạn 45 ngày tính từ ngày họp hội đồng đánh giá lần thứ nhất; không tổ chức đánh giá Luận văn lần thứ ba.
- Học viên được xem là hoàn thành chương trình đào tạo khi hoàn thành đủ 60 TC được quy định tại mục 7 Quyết định này và có điểm trung bình tích lũy từ 5,5 trở lên.

9. CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH

9.1 Khái quát chương trình

Tổng khối lượng học tập của Chương trình đào tạo thạc sĩ Luật, định hướng nghiên cứu là 60 TC. Trong đó, 06 TC thuộc khối kiến thức cơ bản; 16 TC thuộc khối kiến thức cơ sở ngành; 14 TC thuộc khối kiến thức cốt lõi ngành; 12 TC nghiên cứu khoa học; và 12 TC luận án tốt nghiệp.

Khối kiến thức cơ bản: trang bị tri thức phương pháp luận và thế giới quan khoa học, giúp học viên vượt ra khỏi khuôn khổ luật thực định để đặt vấn đề pháp lý vào bối cảnh rộng hơn (đạo đức, công lý, quyền lực nhà nước, nhà nước pháp quyền), từ đó xây dựng câu hỏi nghiên cứu và lựa chọn phương pháp tiếp cận phù hợp.

Khối kiến thức cơ sở ngành: tập trung vào các lĩnh vực cốt lõi và xu hướng phát triển pháp luật hiện đại; rèn luyện tư duy phân biện và kỹ năng giải quyết vấn đề, phục vụ nghiên cứu độc lập, hoạch định chính sách và tư vấn chuyên nghiệp.

Khối kiến thức cốt lõi ngành: cung cấp kiến thức chuyên sâu nhằm vận dụng trực tiếp vào việc giải quyết các vấn đề pháp lý chuyên sâu: bao gồm các học phần bắt buộc và tự chọn để người học tích lũy phù hợp với vị trí công tác và xây dựng kiến thức cốt lõi cho việc lựa chọn và thực hiện các chuyên đề nghiên cứu, luận văn tốt nghiệp.

Chuyên đề nghiên cứu: củng cố kiến thức nền tảng toàn diện cho việc thực hiện luận văn; thực hành đủ quy trình nghiên cứu từ xác định vấn đề, tổng quan tài liệu, thu thập – phân tích dữ liệu đến trình bày kết quả và bảo vệ quan điểm khoa học.

Luận văn tốt nghiệp: là báo cáo khoa học độc lập, thể hiện năng lực làm chủ phương pháp nghiên cứu, kiến thức tổng hợp và chuyên sâu để giải quyết vấn đề pháp lý cụ thể.

9.2. Khối lượng học tập theo từng khối kiến thức:

Bảng 09-1: Khối lượng học tập theo từng khối kiến thức

ST T	Khối lượng học tập	Số tín chỉ
I	Khối kiến thức cơ bản	06
II	Khối kiến thức cơ sở	
II.1	Nhóm kiến thức cơ sở bắt buộc	12
II.2	Nhóm kiến thức cơ sở tự chọn	04
III	Kiến thức cốt lõi ngành	
III. 1	Kiến thức cốt lõi ngành bắt buộc	10
III. 2	Kiến thức cốt lõi ngành tự chọn	04
IV	Chuyên đề nghiên cứu	12
V	Luận văn tốt nghiệp	12
	Tổng cộng:	60

9.3 Chương trình chi tiết

Bảng 09-2 Chương trình chi tiết

I. KHỐI KIẾN THỨC CƠ BẢN (06 TC)			
STT	Tên học phần	Số TC	Khoa thực hiện
1	Triết học - Logic học	04	Khoa Khoa học Cơ bản
2	Phương pháp nghiên cứu luật học	02	Khoa Luật Thương mại
II. KHỐI KIẾN THỨC CƠ SỞ			
II.1. Nhóm bắt buộc (12 TC)			
STT	Tên học phần	Số TC	Khoa thực hiện
1	Phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực nhà nước	02	Khoa Luật Hành chính - Nhà nước
2	Những vấn đề chuyên sâu về tội phạm và trách nhiệm hình sự	02	Khoa Luật Hình sự
3	Chủ thể pháp luật dân sự	02	Khoa Luật Dân sự
4	Pháp luật về các tổ chức kinh doanh	02	Khoa Luật Thương mại
5	Những vấn đề chuyên sâu của Luật Quốc tế	02	Khoa Luật Quốc tế
6	Pháp luật và thực hành kinh doanh có trách nhiệm	02	Khoa Luật Thương mại
II.2. Nhóm tự chọn (chọn 04/10 TC)			
STT	Tên học phần	Số TC	Khoa thực hiện
1	Án lệ và Giải thích pháp luật	02	Khoa Luật Hành chính - Nhà nước
2	Lý luận và thực tiễn về phòng ngừa tội phạm	02	Khoa Luật Hình sự
3	Nghĩa vụ dân sự và bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự	02	Khoa Luật Dân sự
4	Pháp luật về quyền sử dụng đất	02	Khoa Luật Thương mại
5	Pháp luật WTO và thương mại khu vực	02	Khoa Luật Quốc tế
III. KHỐI KIẾN THỨC CỐT LÕI NGÀNH			
III.1. Nhóm bắt buộc (10 TC)			
STT	Tên học phần	Số TC	Khoa thực hiện

1	Bộ máy hành chính nhà nước và chế độ công vụ	02	Khoa Luật Hành chính - Nhà nước
2	Cơ quan tiến hành tố tụng trong pháp luật tố tụng dân sự	02	Khoa Luật Dân sự
3	Pháp luật về thương mại trong điều kiện hội nhập	02	Khoa Luật Thương mại
4	Xung đột pháp luật trong các giao dịch dân sự có yếu tố nước ngoài	02	Khoa Luật Quốc tế
5	Những vấn đề chuyên sâu về tố tụng hình sự	02	Khoa Luật Hình sự
III.2. Nhóm tự chọn (chọn 04/10 TC)			
STT	Tên học phần	Số TC	Khoa thực hiện
1	Tài phán hành chính so sánh	02	Khoa Luật Hành chính - Nhà nước
2	Những vấn đề chuyên sâu về định tội danh	02	Khoa Luật Hình sự
3	Một số vấn đề chuyên sâu về sở hữu trí tuệ	02	Khoa Luật Dân sự
4	Pháp luật chứng khoán và kinh doanh chứng khoán	02	Khoa Luật Thương mại
5	Pháp luật đầu tư quốc tế	02	Khoa Luật Quốc tế
IV. NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ LUẬN VĂN (24 TC)			
IV.1. Chuyên đề nghiên cứu (chọn 12/20 TC)			
STT	Tên học phần	Số TC	Khoa thực hiện
1	Chính quyền địa phương	02	Khoa Luật Hành chính - Nhà nước
2	Luật hành chính so sánh	02	Khoa Luật Hành chính- Nhà nước
3	Luật hình sự so sánh	02	Khoa Luật Hình sự
4	Luật tố tụng hình sự so sánh	02	Khoa Luật Hình sự
5	Di sản trong pháp luật thừa kế	02	Khoa Luật Dân sự
6	Quyền và nghĩa vụ của đương sự trong tố tụng dân sự Việt Nam	02	Khoa Luật Dân sự
7	Pháp luật về đầu tư công và đấu thầu	02	Khoa Luật Thương mại
8	Pháp luật về thương mại điện tử	02	Khoa Luật Thương mại

9	Pháp luật về thanh toán quốc tế	02	Khoa Luật Quốc tế
10	Tổ tụng dân sự có yếu tố nước ngoài	02	Khoa Luật Quốc tế
IV.2. LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP (12 TC)			
Tổng cộng		60	

9.5. Tóm tắt nội dung các học phần

[1] TRIẾT HỌC VÀ LOGIC HỌC

a. Triết học

Triết học là môn học bắt buộc thuộc khối kiến thức chung ở bậc sau đại học nhằm tiếp tục bồi dưỡng thế giới quan duy vật khoa học, nhân sinh quan cách mạng và phương pháp luận biện chứng duy vật cho người học đã được trang bị ở bậc đại học nhằm đáp ứng yêu cầu đào tạo các chuyên ngành khoa học xã hội – nhân văn ở trình độ sau đại học. Với tư cách là hệ thống tri thức lý luận chung của con người về thế giới và vai trò, vị trí của con người trong thế giới, môn học giúp người học xác định đúng vai trò, vị trí của các học thuyết triết học nói chung và triết học Mác-Lênin nói riêng trong đời sống xã hội. Môn học giúp người học nghiên cứu những vấn đề về chung về triết học, bản thể luận, nhận thức luận, triết học chính trị, triết học con người trong lịch sử triết học nói chung và triết học Mác-Lênin nói riêng.

b. Logic học

Nội dung chính phần logic của môn học bao gồm:

- Logic mệnh đề và các suy luận thông thường.
- Các phương pháp và công cụ tư duy.
- Áp dụng tri thức logic vào các nội dung khoa học pháp lý.
- Các bài tập của môn học được thiết kế sao cho góp phần hình thành kỹ năng của học viên trong tranh luận, chứng minh, bác bỏ, tránh nguy biện hiệu quả, gắn liền với các trường hợp thực tế điển hình liên quan đến công việc chuyên môn.
- Các công cụ và phương pháp tư duy (mindmap, brainstorming, six thinking hats) - giúp học viên phát triển khả năng sáng tạo, giải quyết vấn đề, làm việc nhóm, thuyết trình, lãnh đạo.

[2] PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU LUẬT HỌC

Học phần “Phương pháp nghiên cứu luật học” được thiết kế dành cho học viên cao học Luật định hướng nghiên cứu và ứng dụng, nhằm cung cấp một khung lý thuyết và thực tiễn toàn

diện về quá trình thực hiện nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực pháp luật. Môn học tập trung trang bị cho học viên những kiến thức nền tảng vững chắc về khoa học pháp lý, các phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu chuyên biệt, cùng với quy trình thực hiện một công trình nghiên cứu khoa học pháp lý hoàn chỉnh. Nội dung học phần bao gồm: (i) Khái luận về nghiên cứu khoa học pháp lý, vai trò, ý nghĩa và đặc thù của nó; (ii) Các phương pháp luận nghiên cứu khoa học và trong luật học; (iii) Các phương pháp nghiên cứu cụ thể được ứng dụng trong thu thập và phân tích dữ liệu pháp lý và phi pháp lý; (iv) Quy trình chi tiết để xây dựng một đề tài nghiên cứu, từ việc xác định vấn đề, mục tiêu, câu hỏi, giả thuyết, đến tổng quan tình hình nghiên cứu và thiết kế đề cương; (v) Kỹ năng trình bày kết quả nghiên cứu khoa học theo chuẩn mực học thuật quốc tế, bao gồm kỹ năng viết, trích dẫn và công bố.

Học phần cũng đặc biệt chú trọng đến việc giáo dục về đạo đức và liêm chính trong nghiên cứu khoa học pháp lý, góp phần đào tạo các nhà nghiên cứu luật có năng lực chuyên môn cao và phẩm chất đạo đức nghề nghiệp.

[3] CƠ CHẾ PHÂN CÔNG, PHỐI HỢP VÀ KIỂM SOÁT QUYỀN LỰC NHÀ NƯỚC

Môn học Cơ chế phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực nhà nước cung cấp cho học viên những kiến thức chuyên sâu về cơ chế phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực nhà nước ở Việt Nam và một số quốc gia trên thế giới.

[4] NHỮNG VẤN ĐỀ CHUYÊN SÂU VỀ TỘI PHẠM VÀ TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ

Học phần này cung cấp cho học viên những kiến thức chuyên sâu về tội phạm và trách nhiệm hình sự trong khoa học luật hình sự Việt Nam. Nội dung của môn học gồm 02 chuyên đề: Những vấn đề chuyên sâu về tội phạm và Những vấn đề chuyên sâu về trách nhiệm hình sự. Phương pháp nghiên cứu chủ yếu bao gồm: Phương pháp nghiên cứu lý thuyết luật học, phương pháp so sánh, phương pháp nghiên cứu hồ sơ vụ án, tình huống.

Học phần này thuộc khối kiến thức ngành cơ sở bắt buộc, giữ vị trí quan trọng trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Luật theo định hướng nghiên cứu và ứng dụng.

[5] CHỦ THỂ PHÁP LUẬT DÂN SỰ

Học phần này trang bị cho học viên những kiến thức pháp lý chuyên sâu về: cá nhân, pháp nhân, chủ thể khác của quan hệ pháp luật dân sự. Thông qua việc kết hợp giữa việc giảng dạy lý thuyết, thảo luận và tự nghiên cứu, học viên có khả năng vận dụng kiến thức pháp lý về chủ thể của quan hệ pháp luật dân sự vào thực tiễn nghề nghiệp, đề xuất giải pháp cho các vấn đề pháp luật mới nảy sinh trong hoạt động thực tiễn, góp phần hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật.

[6] PHÁP LUẬT VỀ CÁC TỔ CHỨC KINH DOANH

Pháp luật về các mô hình tổ chức hoạt động kinh doanh là một bộ phận pháp luật cơ bản, nền tảng của hệ thống pháp luật kinh tế. Để tiến hành các hoạt động kinh doanh, các nhà đầu tư phải lựa chọn các mô hình kinh doanh phù hợp. Trong nền kinh tế thị trường, Nhà nước xây dựng, ghi nhận sự đa dạng của các mô hình tổ chức kinh doanh cho nhà đầu tư lựa chọn. Việc hiểu rõ những cơ sở lý luận của pháp luật điều chỉnh các tổ chức kinh tế ở Việt Nam, các mô hình chủ thể kinh doanh ở nước ngoài, cũng như thực trạng pháp luật điều chỉnh các mô hình chủ thể kinh doanh ở Việt Nam là rất cần thiết đối với học viên cao học luật. Môn học này có vai trò quan trọng trong việc cung cấp cho người học những kiến thức, kỹ năng và thái độ cần thiết về việc lựa chọn, thành lập, góp vốn, quản trị nội bộ các loại hình tổ chức kinh doanh khác nhau phù hợp với qui định hiện hành của pháp luật Việt Nam. Đây là tiền đề cho việc phát triển bền vững của hoạt động đầu tư kinh doanh

[7] NHỮNG VẤN ĐỀ CHUYÊN SÂU CỦA LUẬT QUỐC TẾ

Môn học Những vấn đề chuyên sâu của Luật Quốc tế sẽ cung cấp cho người học những kiến thức tổng quan về hệ thống pháp luật quốc tế và giới thiệu một số ngành luật thuộc hệ thống pháp luật này. Trong xu thế hội nhập và tích cực phát triển các quan hệ quốc tế hiện nay, học phần này là tiền đề giúp người học tiếp cận những môn học nghiên cứu chuyên sâu hơn về các lĩnh vực cụ thể của pháp luật quốc tế ví dụ như luật thương mại quốc tế, pháp luật đầu tư quốc tế... Môn Những vấn đề chuyên sâu của Luật Quốc tế cung cấp những kiến thức lý luận về lĩnh vực pháp luật quốc tế, bao gồm: khái niệm, các đặc trưng của pháp luật quốc tế, nguồn luật điều chỉnh và các nguyên tắc cơ bản của hệ thống pháp luật quốc tế. Ngoài ra, môn học còn cung cấp những kiến thức pháp lý cơ bản về một số lĩnh vực thuộc hệ thống pháp luật quốc tế như dân cư, lãnh thổ và biên giới quốc gia, quan hệ ngoại giao và lãnh sự, giải quyết tranh chấp quốc tế, trách nhiệm pháp lý quốc tế.

[8] PHÁP LUẬT VÀ THỰC HÀNH KINH DOANH CÓ TRÁCH NHIỆM

Trong hoạt động kinh doanh, ngoài nghĩa vụ tuân thủ pháp luật, các chủ thể kinh doanh phải tuân thủ các hệ thống chuẩn mực và quy tắc xử sự phi pháp luật, bao gồm đạo đức kinh doanh, quy tắc ứng xử nghề nghiệp, và thực hành kinh doanh có trách nhiệm (Responsible Business Conduct - RBC). Học phần phân tích hệ thống pháp luật và chính sách đang phát triển điều chỉnh hành vi kinh doanh có trách nhiệm trong bối cảnh kinh tế toàn cầu hóa. Khóa học đặt RBC trong mối liên hệ với các vấn đề rộng hơn về trách nhiệm giải trình của doanh nghiệp, quyền con người, quản trị môi trường, và pháp luật kinh doanh xuyên biên giới. Người học sẽ được cung cấp tầm nhìn khái quát về cách mà các công cụ 'luật mềm' quốc tế (như các Nguyên tắc Hướng dẫn của Liên Hợp Quốc, Hướng dẫn của OECD) tương tác với pháp luật quốc gia, các vụ kiện xuyên quốc gia, và các cơ chế tự nguyện của doanh nghiệp. Học phần nhấn mạnh so sánh pháp luật giữa các khu vực (EU, Hoa Kỳ, Canada, ASEAN), cùng các xu hướng mới như nghĩa vụ thẩm định nhân quyền bắt buộc, báo cáo bền vững (ESG) và cơ chế

pháp lý thúc đẩy phát triển bền vững trong chuỗi cung ứng toàn cầu. Việc sử dụng các phương pháp tiếp cận đa ngành và liên ngành để giải quyết những nhiệm vụ nghiên cứu trong lĩnh vực pháp luật kinh tế không chỉ xu hướng phổ biến mà là yêu cầu bắt buộc. Do vậy, Học viên ngành luật kinh tế phải có kiến thức chuyên sâu về trách nhiệm xã hội của chủ thể kinh doanh để hỗ trợ không chỉ trong công tác nghiên cứu khoa học mà còn phục vụ nhu cầu công tác bảo vệ pháp luật, quản lý nhà nước trong kinh doanh hoặc quản trị, điều hành doanh nghiệp.

[9] ÁN LỆ VÀ GIẢI THÍCH PHÁP LUẬT

Học phần giải thích pháp luật giúp học viên nâng cao kiến thức và nghiên cứu chuyên sâu nhằm phát hiện và đề xuất những kiến giải khoa học về án lệ, giải thích pháp luật của tòa án ở Việt Nam và các nước. Học phần bao gồm 05 chương: i) Những vấn đề lý luận chung về án lệ và giải thích pháp luật; ii) Hoạt động tạo lập và áp dụng án lệ của tòa án ở nước Thông luật và Dân luật; iii) Giải thích pháp luật của tòa án ở nước Thông luật và Dân luật; iv) Hoạt động tạo lập và áp dụng án lệ của tòa án ở Việt Nam hiện nay và hướng hoàn thiện; v) Hoạt động giải thích pháp luật của tòa án ở Việt Nam và hướng hoàn thiện.

[10] LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ PHÒNG NGỪA TỘI PHẠM

Học phần có tên gọi là “Lý luận và thực tiễn về phòng ngừa tội phạm”, thuộc kiến thức tự chọn trong chương trình đào tạo cao học chuyên ngành luật học. Học phần có 02 tín chỉ, do Bộ môn Tội phạm học, Khoa Luật hình sự phụ trách, thường được giảng dạy cho học viên từ học kỳ thứ 2. Học phần cung cấp cho học viên những vấn đề lý luận và thực tiễn về phòng ngừa tội phạm như khái niệm phòng ngừa tội phạm; tổng quan về lịch sử phát triển các học thuyết về nguyên nhân của tội phạm; những vấn đề hiện đại về phòng ngừa tội phạm; cơ chế phòng ngừa tội phạm; dự báo tội phạm; kế hoạch hóa hoạt động phòng ngừa tội phạm; đánh giá hiệu quả phòng ngừa tội phạm.

[11][11] NGHĨA VỤ DÂN SỰ VÀ BẢO ĐẢM THỰC HIỆN NGHĨA VỤ DÂN SỰ

Học phần trang bị cho học viên kiến thức chuyên sâu về pháp luật dân sự, tập trung vào hai nội dung chính: nghĩa vụ dân sự và các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ. Học viên sẽ tìm hiểu các vấn đề pháp lý và thực tiễn liên quan đến căn cứ phát sinh nghĩa vụ, thực hiện nghĩa vụ, lưu thông nghĩa vụ cũng như các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ. Kết hợp giảng dạy lý thuyết với tình huống thực tiễn và tự nghiên cứu, học phần không chỉ giúp học viên nắm vững quy định pháp luật hiện hành, phát triển kỹ năng phân tích, lập luận, so sánh pháp luật Việt Nam với quốc tế, và đề xuất giải pháp hoàn thiện pháp luật mà còn giúp học viên rèn luyện các kỹ năng nghiên cứu. Cụ thể, học viên sẽ có khả năng áp dụng kiến thức vào nghiên cứu, đánh giá thực tiễn, và kiến nghị lập pháp, góp phần nâng cao hiệu quả bảo vệ quyền công dân.

[12] PHÁP LUẬT VỀ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

Quyền sử dụng đất là yếu tố đầu vào không thể thiếu đối với hầu hết các hoạt động của con người. Nó vừa là tài sản cố định, làm nền tảng phục vụ cho đời sống xã hội, hoạt động kinh doanh, đồng thời có thể là nguồn vốn để thực hiện góp vốn hợp tác kinh doanh. Vì vậy, về mặt thực tiễn, việc các chủ thể kinh doanh nhận thức một cách đầy đủ về quyền sử dụng đất của mình có ý nghĩa rất quan trọng, không chỉ đảm bảo sự ổn định của hoạt động đầu tư, mà còn giúp các chủ thể kinh doanh có thể phát huy nội lực để thúc đẩy sự phát triển hoạt động đầu tư, kinh doanh. Môn học sẽ cung cấp những nội dung chính sau đây:

- Khái quát về quyền sử dụng đất và chủ thể sử dụng đất.
- Xác lập quyền sử dụng đất cho chủ thể sử dụng đất.
- Quyền của các chủ thể sử dụng đất.

[13] PHÁP LUẬT WTO VÀ THƯƠNG MẠI KHU VỰC

- Học phần cung cấp cho học viên nền tảng pháp lý chuyên sâu về hệ thống thương mại đa phương trong khuôn khổ WTO và pháp luật của các hiệp định thương mại khu vực (RTA), đặc biệt là các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới như CPTPP, EVFTA, RCEP. Thông qua việc nghiên cứu các nguyên tắc cơ bản, cơ chế vận hành, ngoại lệ và thách thức đối với WTO, học viên hiểu rõ sự tương tác giữa luật WTO và luật khu vực trong bối cảnh hội nhập toàn cầu. Học phần nhấn mạnh khả năng phân tích, so sánh và vận dụng quy định pháp luật quốc tế vào thực tiễn Việt Nam, giúp học viên phát triển tư duy phản biện, năng lực nghiên cứu độc lập, và kỹ năng giải quyết vấn đề pháp lý mang tính liên ngành. Ngoài thuyết giảng, học phần sử dụng phương pháp thảo luận, seminar và nghiên cứu tình huống nhằm tăng cường trải nghiệm học thuật chuyên sâu.

[14] BỘ MÁY HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC VÀ CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ

Học phần *Bộ máy hành chính nhà nước và chế độ công vụ* cung cấp cho học viên những kiến thức cốt lõi về tổ chức, hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước, các quy định pháp luật về hoạt động công vụ và các yếu tố hợp thành nền công vụ ở Việt Nam hiện nay. Môn học được thiết kế thành 4 chương, bao gồm: i) Khái quát chung về cơ quan hành chính nhà nước và bộ máy hành chính nhà nước; ii) Bộ máy hành chính nhà nước ở Việt Nam; iii) Những vấn đề chung về hoạt động công vụ và chế độ công vụ; iv) Trách nhiệm công vụ của cán bộ, công chức theo pháp luật Việt Nam

[15] CƠ QUAN TIẾN HÀNH TỔ TỤNG TRONG PHÁP LUẬT TỔ TỤNG DÂN SỰ

Pháp luật về cơ quan tiến hành tố tụng xác định vị trí, thẩm quyền của cơ quan tiến hành tố tụng trong việc giải quyết vụ việc dân sự tại cơ quan tư pháp. Với việc làm sáng tỏ vị trí, chức năng của cơ quan tiến hành tố tụng thông qua các khái niệm, quy định của luật, thực tiễn áp dụng, đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật về cơ quan tiến hành tố tụng.

Nội dung môn học được phân bổ thành 3 chuyên đề sau:

Chuyên đề 1: Kỹ năng xác định vị trí, thẩm quyền của cơ quan tiến hành tố tụng trong pháp luật tố tụng dân sự

Chuyên đề 2: Kỹ năng xác định nhiệm vụ, quyền hạn của Tòa án trong giải quyết các vụ việc dân sự

Chuyên đề 3: Kỹ năng xác định nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát trong pháp luật tố tụng dân sự

[16] PHÁP LUẬT THƯƠNG MẠI TRONG ĐIỀU KIỆN HỘI NHẬP

Pháp luật thương mại Việt Nam ngày càng chịu sự tác động lớn và trực tiếp từ tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế. Không thể hiểu đúng bản chất, chức năng, mục đích và nhiệm vụ của nhiều chế định pháp luật thương mại Việt Nam nếu không được nhìn nhận một cách biện chứng với chính sách hội nhập kinh tế quốc tế và pháp luật thương mại quốc tế. Nhận thức lĩnh vực pháp luật thương mại nhìn chung một cách toàn diện, sâu sắc và trong sự tương tác với pháp luật thương mại quốc tế là cần thiết nhằm nâng tầm nhận thức của học viên cao học về pháp luật thương mại tương ứng với trình độ đào tạo. Môn học sẽ cung cấp cho học viên các kiến thức chuyên sâu về mối quan hệ giữa pháp luật thương mại Việt Nam với điều ước quốc tế và tập quán thương mại quốc tế, trong đó chú trọng đến mối quan hệ với luật của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới đa phương và song phương của Việt Nam, qua đó cung cấp kiến thức nâng cao về pháp luật thương mại trong bối cảnh toàn cầu hoá cho học viên cao học.

[17] XUNG ĐỘT PHÁP LUẬT TRONG CÁC GIAO DỊCH DÂN SỰ CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI

Xung đột pháp luật trong các giao dịch dân sự có yếu tố nước ngoài là một môn khoa học pháp lý chuyên ngành, cung cấp những kiến thức chuyên sâu về xung đột pháp luật và giải quyết xung đột pháp luật trong các quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài, về vấn đề áp dụng pháp luật nước ngoài trong việc điều chỉnh các quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài. Môn học nghiên cứu chuyên sâu về nguyên tắc giải quyết xung đột pháp luật trong một số chế định cụ thể hợp đồng, bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

[18] NHỮNG VẤN ĐỀ CHUYÊN SÂU VỀ TỔ TỤNG HÌNH SỰ

Nội dung của học phần tập trung trình bày, phân tích những vấn đề chuyên sâu về TTHS bao gồm: (i) chức năng, mô hình TTHS; (ii) một số nguyên tắc cơ bản của luật TTHS; (iii) một số biện pháp ngăn chặn trong TTHS; (iv) tranh tụng trong TTHS; (v) thủ tục TTHS đối với người chưa thành niên. Học phần còn phân tích, đánh giá quy định của pháp luật TTHS Việt Nam về các vấn đề trên và thực tiễn thực hiện; xác định nguyên nhân của những hạn chế và đưa ra định hướng hoàn thiện phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ về cải cách tư pháp trong công cuộc xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong kỷ nguyên mới. Phương pháp nghiên cứu chủ yếu của học phần bao gồm phương pháp nghiên cứu lý thuyết luật học, phương pháp lịch sử, phương pháp so sánh và phương pháp nghiên cứu tình huống. Học phần này thuộc khối kiến thức cốt lõi ngành bắt buộc, giữ vị trí quan trọng trong chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ Luật theo định hướng nghiên cứu.

[19] TÀI PHÁN HÀNH CHÍNH SO SÁNH

Tài phán hành chính là môn khoa học pháp lý chuyên ngành, cung cấp cho học viên những kiến thức chuyên sâu về lý luận và pháp lý về việc giải quyết tranh chấp hành chính thông qua Tòa án. Nội dung của học phần được thiết kế thành 6 Chương, cụ thể: i) Những vấn đề chung về tài phán hành chính; ii) Khái quát về tài phán hành chính thông qua hoạt động tố tụng của Tòa án; iii) Thẩm quyền tài phán của Tòa án trong tố tụng hành chính; iv) Các chủ thể tố tụng trong hoạt động tài phán hành chính của Tòa án; v) Thủ tục tài phán của Tòa án trong xét xử vụ án hành chính; vi) Thi hành án hành chính.

[20] NHỮNG VẤN ĐỀ CHUYÊN SÂU VỀ ĐỊNH TỘI DANH

Học phần cung cấp cho học viên kiến thức lý luận hệ thống và chuyên sâu về lý luận định tội của khoa học luật hình sự Việt Nam. Học phần cung cấp cho học viên kiến thức về nội dung về lý luận định tội của luật hình sự. Phương pháp nghiên cứu chủ yếu của học phần dựa trên phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng, phương pháp nghiên cứu án điển hình.

Học phần này thuộc khối kiến thức ngành cơ sở tự chọn, giữ vị trí quan trọng trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Luật hình sự và tố tụng hình sự theo định hướng nghiên cứu và ứng dụng.

[21] MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUYÊN SÂU VỀ SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Pháp luật về sở hữu trí tuệ nhằm bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, những sản phẩm sáng tạo của con người. Đặc biệt trong xã hội hiện đại, khi mà mọi thứ đều dễ dàng bị đánh cắp nếu không được quản lý chặt chẽ. Mối quan hệ giữ quy định trong Luật Sở hữu trí tuệ và với các luật liên quan. Việc làm sáng tỏ phạm vi, nội dung, đối tượng thông qua các khái niệm, ý nghĩa, quy định của luật, thực tiễn áp dụng, đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật về sở hữu trí tuệ.

[22] PHÁP LUẬT CHỨNG KHOÁN VÀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN

Học phần được xây dựng để giảng dạy cho học viên cao học Luật học, định hướng nghiên cứu, nhằm tập trung vào khía cạnh kinh tế của lĩnh vực pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán, trong đó chú trọng vào những vấn đề pháp lý liên quan đến quyền và nghĩa vụ, những rủi ro đối với các chủ thể khi tham gia thị trường chứng khoán. Môn học vì thế đóng vai trò quan trọng nhưng ở bậc cử nhân chỉ là môn tự chọn với thời lượng ngắn chỉ chuyên tải các nội dung pháp lý đơn giản và sơ lược. Vì vậy, việc nghiên cứu một cách đầy đủ, toàn diện và chuyên sâu về các nội dung của pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán là một yêu cầu thiết thực và mang tính cần thiết cao.

[23] PHÁP LUẬT ĐẦU TƯ QUỐC TẾ

Môn học Pháp luật đầu tư quốc tế giới thiệu cho người học những vấn đề và rủi ro pháp lý trong hoạt động đầu tư quốc tế, cũng như những phương thức, phương pháp hạn chế, loại trừ các vấn đề/rủi ro này bằng các công cụ pháp lý. Sinh viên sẽ được cung cấp kiến thức về khái niệm đầu tư quốc tế và những vấn đề pháp lý gắn liền với đầu tư quốc tế; những vấn đề trong việc hình thành và áp dụng các hợp đồng đầu tư quốc tế; và các phương pháp loại bỏ, hạn chế những rủi ro pháp lý tiềm tàng trong các điều khoản của hợp đồng đầu tư quốc tế. Bên cạnh đó, học phần này cũng sẽ giúp sinh viên có kiến thức về các hình thức can thiệp khác nhau của nhà nước đối với đầu tư nước ngoài và bản chất của các điều ước bảo vệ đầu tư để hạn chế những sự can thiệp này. Ngoài ra, môn học này cũng sẽ giới thiệu cho sinh viên về những phương pháp giải quyết tranh chấp khác nhau trong đầu tư quốc tế và một số kỹ thuật của phương pháp trọng tài trong giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế. Tuy nhiên, môn học này không tập trung nghiên cứu quy định về đầu tư theo pháp luật đầu tư Việt Nam; hoạt động đầu tư quốc tế dưới góc độ kỹ thuật và kinh tế quốc tế; hoạt động đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài hoặc các quy định cụ thể về đầu tư của WTO và các Hiệp định về đầu tư.

[24] CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG

Chính quyền địa phương là môn học thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn, dành cho chương trình thạc sĩ luật hiến pháp luật hành chính ở cả hệ ứng dụng và nghiên cứu. Học phần sẽ cung cấp cho người học các nội dung chuyên sâu về chính quyền địa phương dưới cả kiến thức khoa học và pháp luật. Bao gồm các nội dung như: Khái niệm về chính quyền địa phương, tổ chức chính quyền địa phương, mô hình chính quyền địa phương, chế định chính quyền địa phương, lịch sử tổ chức chính quyền địa phương, pháp luật về tổ chức chính quyền địa phương, lý thuyết và cơ sở khoa học của tổ chức chính quyền địa phương, thực trạng tổ chức chính quyền địa phương, xu hướng phát triển chính quyền địa phương.

[25] LUẬT HÀNH CHÍNH SO SÁNH

Luật hành chính so sánh là một môn học chuyên ngành bắt buộc, dành cho chương trình thạc sĩ Luật Hiến pháp Luật hành chính nghiên cứu. Trên cơ sở tìm hiểu pháp luật hành chính ở

các quốc gia thuộc các hệ thống pháp luật khác nhau trên thế giới, môn học cung cấp cho người học những kiến thức, tri thức, quan điểm khoa học về luật hành chính đối chiếu, những ưu điểm, tồn tại của pháp luật hành chính các quốc gia, những tương đồng, khác biệt, những hạt nhân hợp lý có thể tiếp thu trong cải cách nền hành chính và hoàn thiện pháp luật hành chính Việt Nam.

[26]LUẬT HÌNH SỰ SO SÁNH

Nội dung của môn học tập trung trình bày, phân tích những vấn đề lý luận về luật hình sự so sánh; xu hướng phát triển của Luật hình sự hiện đại; so sánh luật hình sự của một số quốc gia về nguồn, hiệu lực của đạo luật hình sự, chế định tội phạm, chế định hình phạt. Phương pháp nghiên cứu chủ đạo của học phần là phương pháp so sánh luật học. Do đó, học phần này sẽ trang bị cho học viên cao học về phương pháp so sánh luật học – một phương pháp nghiên cứu khoa học quan trọng trong lĩnh vực luật học. Đồng thời, học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành này còn giúp học viên cao học chuyên ngành Luật hình sự và TTHS định hướng nghiên cứu có kiến thức về pháp luật hình sự nước ngoài, từ đó có thể so sánh với pháp luật hình sự Việt Nam nhằm tìm ra những quy định tiến bộ, phù hợp để học tập và rèn luyện kỹ năng nghiên cứu khoa học cho học viên thông qua quá trình viết tiểu luận.

[27]LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ SO SÁNH

Nội dung của học phần tập trung trình bày, phân tích những vấn đề lý luận về luật tố tụng hình sự (TTHS) so sánh; luật TTHS của một số quốc gia điển hình cho các mô hình TTHS khác nhau như: Anh, Mỹ, Đức, Pháp, Nhật Bản. Phương pháp nghiên cứu chủ đạo của học phần là phương pháp so sánh; bên cạnh đó còn kết hợp với các phương pháp nghiên cứu phổ biến trong khoa học pháp lý như phương pháp lịch sử và phương pháp nghiên cứu tình huống. Học phần này thuộc khối kiến thức chuyên ngành, là một trong 06 chuyên đề nghiên cứu, giúp học viên chuyên ngành Luật hình sự và TTHS định hướng nghiên cứu có kiến thức về pháp luật TTHS nước ngoài, từ đó có thể so sánh với pháp luật TTHS Việt Nam nhằm tìm ra những quy định tiến bộ, phù hợp để học tập. Đặc biệt học phần này rèn luyện kỹ năng nghiên cứu khoa học cho học viên thông qua quá trình viết tiểu luận.

[28]DI SẢN TRONG PHÁP LUẬT THỪA KẾ

Học phần Di sản thừa kế trình bày và phân tích các vấn đề pháp lý liên quan đến thừa kế, di sản thừa kế, các hình thức thừa kế theo di chúc, thừa kế theo pháp luật. Nội dung môn học hướng tới xác định các loại tài sản được xem là di sản thừa kế cũng như cách thức thanh toán nghĩa vụ và phân chia di sản sau khi người để lại di sản chết. Từ đó, các vấn đề liên quan đến di sản thừa kế được phân tích từ cơ sở lý luận đến thực tiễn thông qua nghiên cứu các bản án, vụ việc thực tế. Đây là một trong những nền tảng của pháp luật dân sự nói chung.

[29] QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA ĐƯƠNG SỰ TRONG TỔ TỤNG DÂN SỰ VIỆT NAM

Môn học trang bị cho người học các kiến thức, kỹ năng cần thiết về quyền, nghĩa vụ của đương sự trong TTDS, xác định quyền, nghĩa vụ của đương sự trong TTDS. Nội dung môn học được phân bổ thành 4 chuyên đề sau: Chuyên đề 1: Những vấn đề chung về quyền, nghĩa vụ của đương sự trong tố tụng dân sự; Chuyên đề 2: Quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn; Chuyên đề 3: Quyền, nghĩa vụ của bị đơn; Chuyên đề 4: Quyền, nghĩa vụ của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[30] PHÁP LUẬT VỀ ĐẦU TƯ CÔNG VÀ ĐẦU THẦU

Học phần được xây dựng để giảng dạy cho học viên cao học Luật định hướng nghiên cứu, nhằm tập trung vào phân tích khía cạnh pháp lý của việc tổ chức thực hiện các dự án đầu tư công bằng các nguồn vốn của Nhà nước và hoạt động tổ chức đấu thầu để lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư thực hiện những dự án đầu tư công. Nội dung cơ bản của học phần đề cập đến: (i) Những khái niệm và nguyên tắc pháp lý cơ bản của hoạt động đầu tư công và đấu thầu; (ii) Các chủ thể tham gia quan hệ đầu tư công, lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư thực hiện các dự án đầu tư công; cơ chế pháp lý phân định quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của từng cá nhân, cơ quan, tổ chức tham gia các giai đoạn của hoạt động đầu tư và đấu thầu; (iii) Cơ chế pháp lý điều chỉnh quy trình thực hiện dự án đầu tư công: lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án; lập thẩm định, quyết định chương trình, dự án đầu tư; lập, thẩm định phê duyệt và giao kế hoạch đầu tư công; tổ chức thực hiện kế hoạch đầu tư công; nội dung giám sát trong đầu tư công; (iv) Cơ chế pháp lý điều chỉnh hoạt động đấu thầu để lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư: các hình thức lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư, quy trình đấu thầu, tiêu chí lựa chọn nhà thầu, phương thức đấu thầu; (v) Các hình thức đầu tư công và hợp đồng trong lĩnh vực đầu tư công, các hình thức hợp đồng trong đấu thầu; (vi) Tham khảo các kinh nghiệm pháp luật nước ngoài về mua sắm công (mua sắm chính phủ) và hoạt động đầu tư công

[31] PHÁP LUẬT VỀ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

Thương mại điện tử ở đây được hiểu là việc tiến hành một phần hoặc toàn bộ quy trình của hoạt động thương mại bằng phương tiện điện tử có kết nối với mạng Internet, mạng viễn thông di động hoặc các mạng mở khác. Các vấn đề pháp lý về thương mại điện tử theo cách hiểu như vậy mới được giảng dạy trong chương trình cử nhân là môn học tự chọn dành cho sinh viên Khoa Luật thương mại, nhưng chỉ mới dừng lại ở mức độ đại cương.

Trong chương trình đào tạo cử nhân luật, các vấn đề pháp lý về thương mại điện tử có thể được giảng dạy với tư cách là một môn học tự chọn bởi ý nghĩa thực tiễn to lớn của thương mại điện tử trong đời sống dân sự và trong hoạt động thương mại hiện đại cũng như bởi tính chất bổ sung, hỗ trợ của nó cho các môn học khác như pháp luật về hợp đồng trong kinh doanh hay pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

Đối với chương trình đào tạo thạc sĩ luật, chuyên đề nghiên cứu "pháp luật về thương mại điện tử" sẽ đề cập đến các vấn đề lý luận, pháp luật và thực tiễn một cách toàn diện hơn, nâng cao hơn cũng như các vấn đề có tính thời sự như giao dịch điện tử trong thương mại quốc tế, đồng thời gợi mở và giúp học viên khám phá các đề tài nghiên cứu mới trong lĩnh vực pháp luật phát triển rất sống động này.

[32] PHÁP LUẬT VỀ THANH TOÁN QUỐC TẾ

Môn học này giới thiệu các nội dung liên quan đến pháp luật về thanh toán quốc tế và các vấn đề pháp lý liên quan tới nghiệp vụ thanh toán quốc tế. Đây là một vấn đề hết sức quan trọng trong hoạt động thương mại quốc tế hiện nay, kiến thức có được sẽ giúp sinh viên nắm bắt và vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.

Đây là môn học mang tính thực tiễn rất cao, thông qua việc hướng dẫn, truyền đạt những nội dung liên quan đến bài học, Giảng viên còn chú trọng khuyến khích và phát huy các kỹ năng thực tế của sinh viên, giúp họ nhanh chóng hòa nhập và nắm bắt công việc thực tế sau khi ra trường.

[33] TỔ TỤNG DÂN SỰ CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI

Tổ tụng dân sự có yếu tố nước ngoài là một môn khoa học pháp lý chuyên ngành, cung cấp những kiến thức chuyên sâu về thẩm quyền của toà án quốc gia đối với vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài, công nhận và cho thi hành bản án quyết định của toà án nước ngoài, phán quyết của trọng tài nước ngoài. Môn học nghiên cứu một cách có hệ thống từ lý luận đến thực tiễn của pháp luật Việt Nam liên quan đến thẩm quyền đối với vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài, quy trình, thủ tục xem xét công nhận và cho thi hành bản án quyết định của toà án nước ngoài, phán quyết của trọng tài nước ngoài.

10. SO SÁNH CHƯƠNG TRÌNH

Để đảm bảo chất lượng, tính thời sự và hiệu quả đào tạo, Chương trình đào tạo (CTĐT) thạc sĩ ngành Luật định hướng ứng dụng tại Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh đã tiến hành đối sánh toàn diện về mục tiêu, nội dung và cấu trúc chương trình với các cơ sở giáo dục đại học (CSGDDH) uy tín trong nước và quốc tế. Quá trình đối sánh này là cơ sở khoa học quan trọng cho việc đánh giá, cải tiến và phát triển chương trình đào tạo [1].

10.1 Cơ sở đối sánh chương trình đào tạo

Tổng cộng chín (09) chương trình đào tạo đã được lựa chọn làm đối tượng đối sánh, bao gồm ba (03) chương trình trong nước và sáu (06) chương trình quốc tế.

- Trong nước:

[4] CTĐT Thạc sĩ ngành Luật của Trường ĐH Luật Hà Nội;

[5] CTĐT Thạc sĩ ngành Luật định hướng ứng dụng của Trường ĐH Đà Lạt;

[6] CTĐT Thạc sĩ ngành Luật của Trường ĐH Cần Thơ;

- Nước ngoài:

- [7] CTĐT ngành Luật, trình độ thạc sĩ của University of Birmingham (Anh)
- [8] CTĐT ngành Luật, trình độ thạc sĩ của Irvine School of Law at University of California (Hoa Kỳ)
- [9] CTĐT ngành Luật, trình độ thạc sĩ của The School of Law at University of Galway (Ireland)
- [10] CTĐT ngành Luật, trình độ thạc sĩ của Faculty of Law of The University of Hong Kong (HongKong)
- [11] CTĐT ngành Luật, trình độ thạc sĩ của Monash University (Úc)
- [12] CTĐT ngành Luật, trình độ thạc sĩ của SciencesPo Law School (Pháp)

Cơ sở lựa chọn: Các CTĐT được chọn đều đến từ các đơn vị đào tạo có uy tín, được kiểm định trong lĩnh vực đào tạo pháp luật và giáo dục đại học nói chung. Đặc biệt, việc lựa chọn sáu (06) chương trình quốc tế còn dựa trên tiêu chí danh tiếng thương hiệu và sự phân bố địa lý tại các quốc gia phát triển, nhằm giúp CTĐT thạc sĩ ngành Luật tại Trường ĐH Luật TH Hồ Chí Minh tiếp cận, tham khảo, và cập nhật các xu hướng đào tạo tiên tiến của thế giới.

Kết quả đối sánh: Kết quả đối sánh chi tiết đã được trình bày và phân tích trong các bảng dữ liệu chuyên môn, bao gồm:

Bảng 10-1: Đối sánh mục tiêu CTĐT của các CSGDDH trong nước (Kèm theo),

Bảng 10-2: Đối sánh nội dung CTĐT của các CSGDDH trong nước (Kèm theo) và

Bảng 11: Đối sánh mục tiêu và nội dung CTĐT của các CSGDDH nước ngoài (Kèm theo)

Các bảng này cung cấp cái nhìn đầy đủ về các chương trình đào tạo cùng ngành, là luận cứ quan trọng để phát triển CTĐT tại Trường ĐH Luật TH Hồ Chí Minh đảm bảo chất lượng, đáp ứng yêu cầu xã hội và bắt kịp xu hướng phát triển toàn cầu.

10.2 Về ưu điểm và tính tương thích của chương trình

Dựa trên kết quả đối sánh và quá trình nghiên cứu, xây dựng công phu, CTĐT thạc sĩ ngành Luật định hướng nghiên cứu của Trường ĐH Luật TH Hồ Chí Minh đã khẳng định được những ưu điểm tính tương thích khi so sánh với các chương trình tham khảo trong và ngoài nước.

Chương trình được thiết kế nhằm cung cấp cho học viên một nền tảng kiến thức chuyên môn vững chắc kết hợp phương pháp tư duy mở và phương pháp nghiên cứu luật học.

a) Tính liên ngành: Điểm tương đồng với CTĐT của Trường ĐH Luật Tp HCM với Trường ĐH Luật Hà Nội và các CSGDDH nước ngoài là sự kết hợp hài hòa và độc đáo giữa luật học và kinh tế học, xã hội học, hành chính nhà nước và quản lý xã hội. Sự kết hợp này mang lại

lợi thế cạnh tranh lớn, giúp học viên tốt nghiệp có khả năng xử lý các vấn đề pháp lý phát sinh trong khi thay đổi vị trí và điều kiện công tác hiện nay..

b) Chú trọng phát triển kỹ năng và ứng dụng kiến thức vào các tình huống thực tế. Điều này tạo ra một lợi thế lớn cho học viên khi chuyển tiếp sang môi trường làm việc thực tiễn.

c) Khuyến khích tư duy phản biện và nâng cao kỹ năng quản lý mà mục tiêu trọng tâm là phát triển tư duy phản biện và kỹ năng thực hành của học viên. Chương trình không chỉ tập trung vào truyền đạt kiến thức chuyên môn mà còn rèn luyện các kỹ năng thiết yếu như giao tiếp học thuật, làm việc nhóm hiệu quả, và tư duy chiến lược trong bối cảnh toàn cầu. Điều này giúp học viên phát triển toàn diện, đáp ứng các yêu cầu khắt khe của thị trường lao động lĩnh vực pháp luật.

Tóm lại, CTĐT thạc sĩ ngành Luật định hướng nghiên cứu tại Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh mang lại những lợi ích khác biệt và ưu việt với sự kết hợp chiến lược giữa lý thuyết và thực tiễn. Chương trình cung cấp cho học viên nền tảng kiến thức vững chắc, kỹ năng ứng dụng thực tiễn cao, và khả năng cạnh tranh vượt trội trên thị trường lao động trong nước và quốc tế.

11. PHÊ DUYỆT CHƯƠNG TRÌNH

Bản mô tả chương trình đào tạo của Chương trình đào tạo ngành Luật đã được kiểm tra, phê duyệt và ban hành theo đúng quy trình, quy định của Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh./.